

# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



QUỐC TẾ CÒN NHIỀU BẤT ỔN

Ngày: 30/03/2026 – 03/04/2026

# NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



# TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

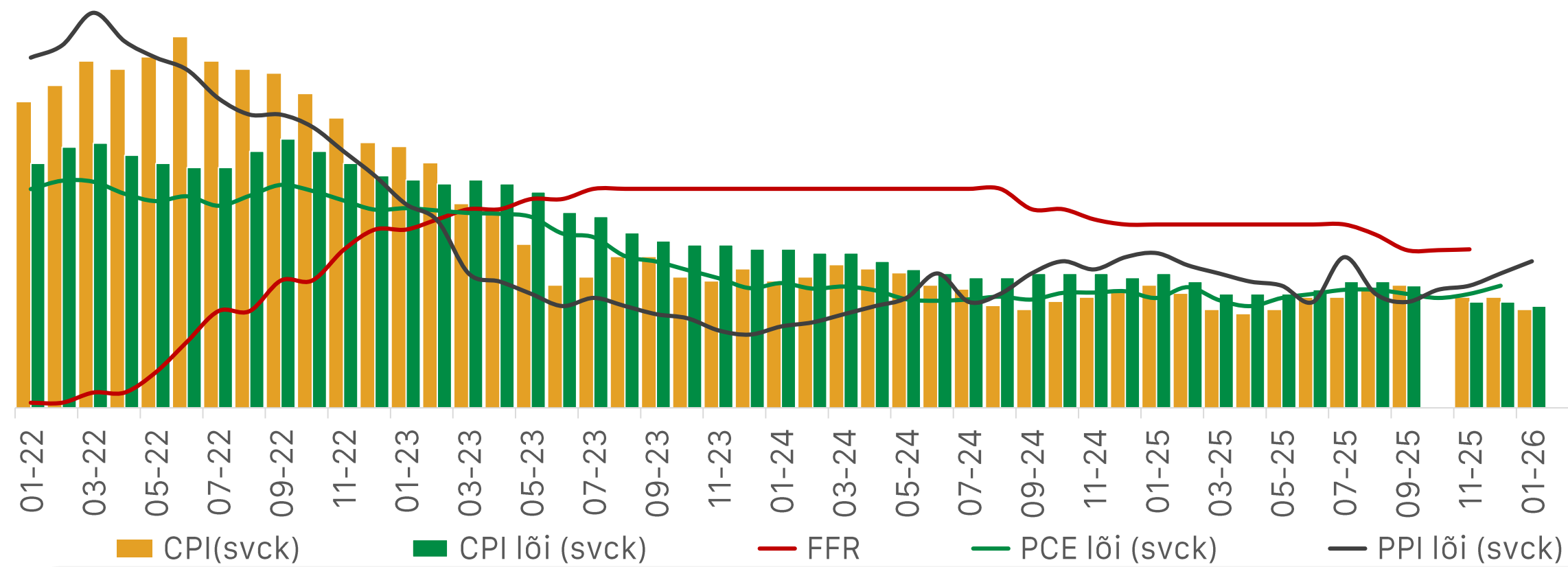


# Kinh tế Mỹ — tăng trưởng ổn định, lạm phát hạ nhiệt nhưng rủi ro địa chính trị gia tăng

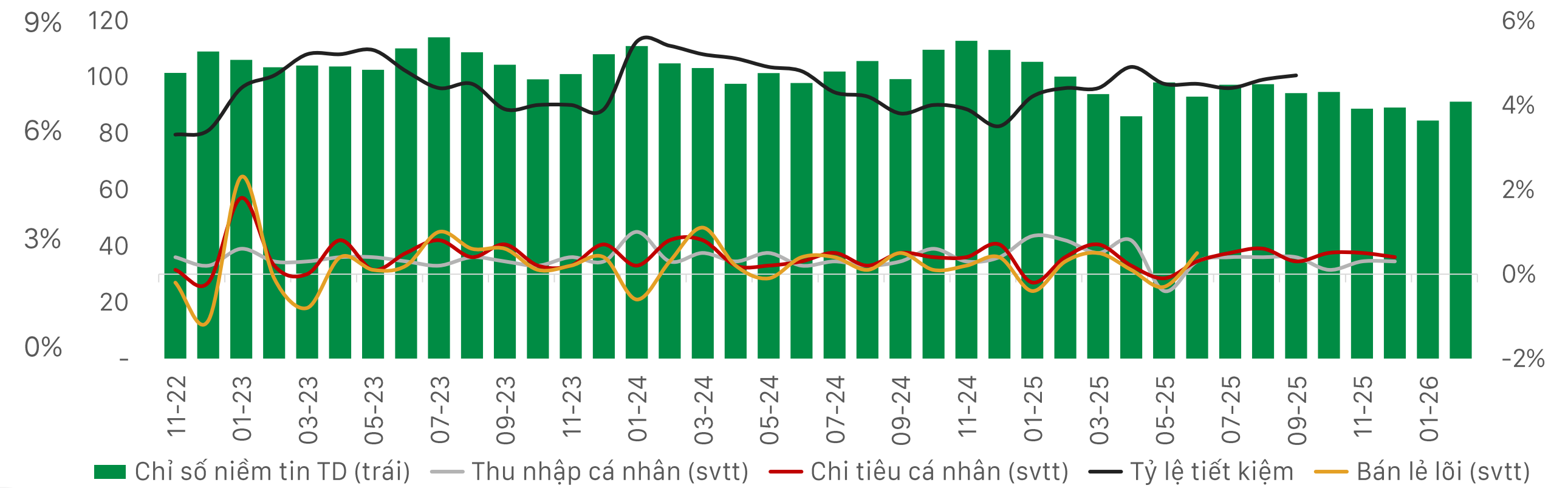


Bức tranh kinh tế Mỹ cho thấy trạng thái “tăng trưởng bền nhưng nhạy cảm với cú sốc bên ngoài”. Các yếu tố nội tại — đặc biệt đầu tư công nghệ, AI và năng suất lao động — đang giúp nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá cao so với các nền kinh tế phát triển khác. Đồng thời, xu hướng giảm lạm phát tạo dư địa để Federal Reserve chuyển dần sang chu kỳ nới lỏng tiền tệ trong năm 2026, qua đó hỗ trợ hoạt động đầu tư và thị trường tài chính. Tuy nhiên, triển vọng trung hạn vẫn phụ thuộc vào hai biến số lớn: (1) khả năng duy trì sức chi tiêu của hộ gia đình trong bối cảnh chi phí năng lượng và lãi suất còn cao; và (2) các rủi ro địa chính trị có thể đẩy giá năng lượng và lạm phát quay trở lại. Nếu những rủi ro này được kiểm soát, kinh tế Mỹ nhiều khả năng duy trì tăng trưởng quanh 2–2,5 % trong 2026, tránh được suy thoái và tiếp tục đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng của kinh tế toàn cầu.

## Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ

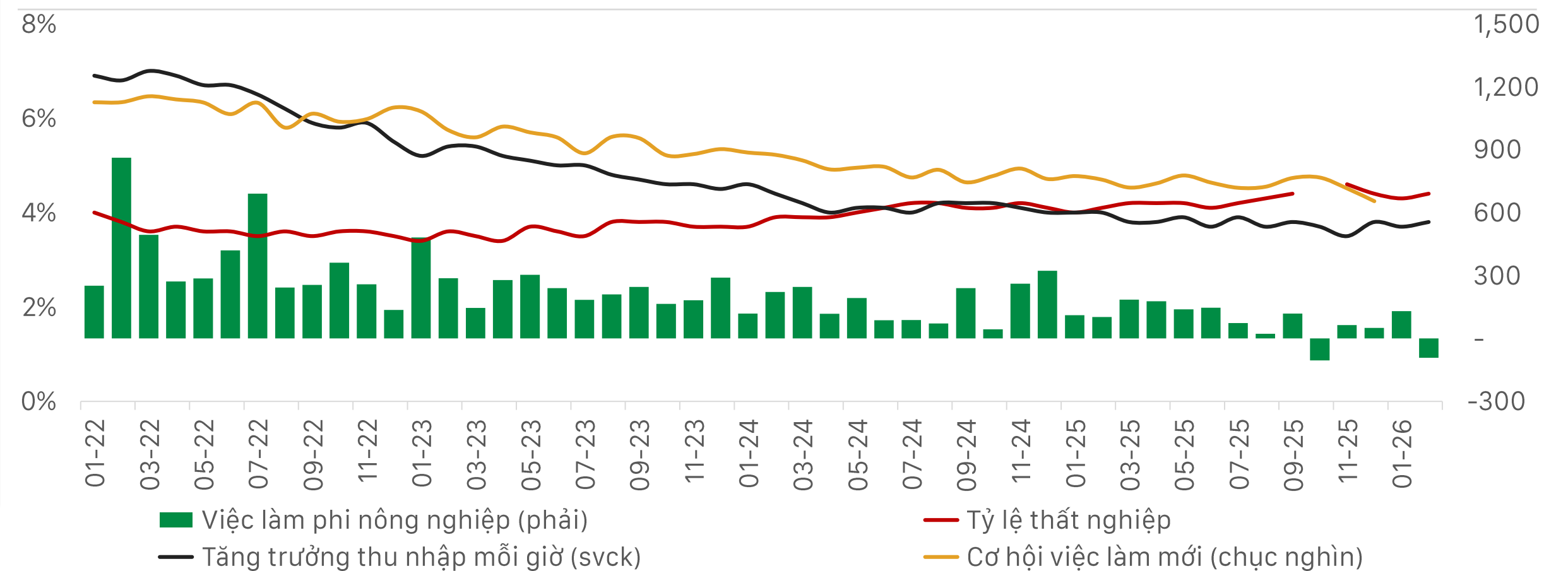


## Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ



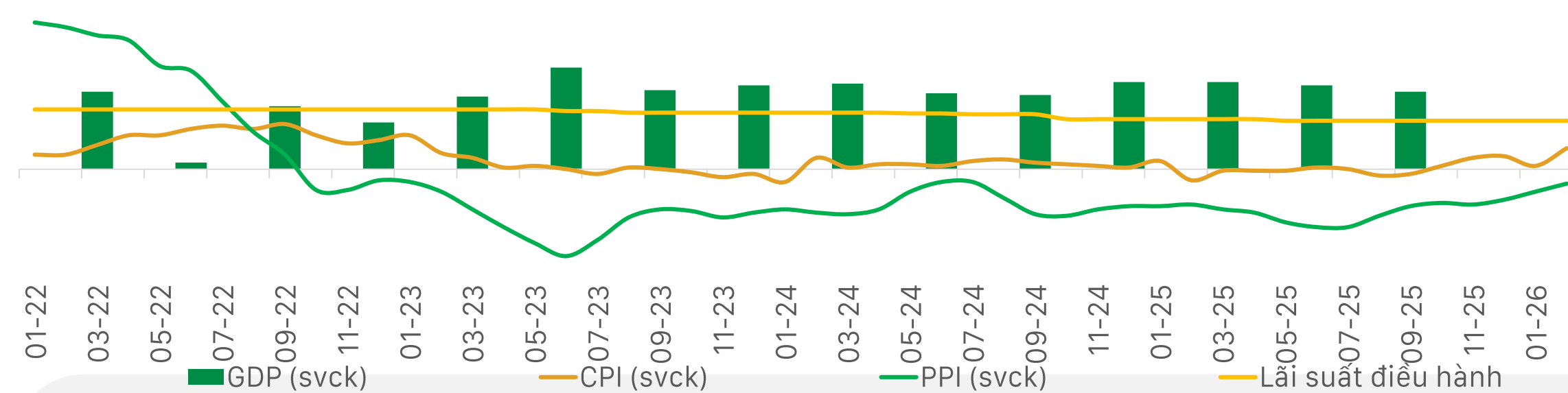
**1. Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ.** Các dự báo gần đây cho thấy kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì tăng trưởng khoảng 2,4–2,6 % trong năm 2026, cao hơn nhiều nền kinh tế phát triển khác. Động lực chính đến từ đầu tư doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực AI, công nghệ và thiết bị, cùng với điều kiện tài chính tương đối thuận lợi. Biên bản của Federal Reserve cũng cho thấy các nhà hoạch định chính sách đánh giá tăng trưởng năm 2026 vẫn “solid”, nhờ đầu tư công nghệ và cải thiện năng suất lao động. **2. Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Nhiều tổ chức dự báo lạm phát lõi của Mỹ sẽ giảm dần về khoảng 2,6 % vào cuối năm 2026, nhờ chi phí nhà ở và chuỗi cung ứng ổn định hơn. Trong bối cảnh đó, thị trường và các tổ chức nghiên cứu kỳ vọng Fed có thể cắt giảm lãi suất khoảng 50 điểm cơ bản trong năm 2026, đưa lãi suất điều hành về vùng 3–3,25 %, nếu xu hướng giảm lạm phát tiếp tục. **3. Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.** Các diễn biến địa chính trị gần đây, đặc biệt xung đột ở Trung Đông, đang làm giá xăng tại Mỹ tăng mạnh (trên 3,5 USD/gallon) và tạo áp lực lên chi tiêu hộ gia đình. Nếu giá dầu vượt 90 USD/thùng trong thời gian dài, chi tiêu tiêu dùng và thị trường tài chính có thể bị ảnh hưởng, kéo giảm đà tăng trưởng kinh tế. Điều này làm cho triển vọng kinh tế Mỹ phụ thuộc nhiều hơn vào sức bền của tiêu dùng nội địa, vốn vẫn là động lực chính của GDP.

## Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.



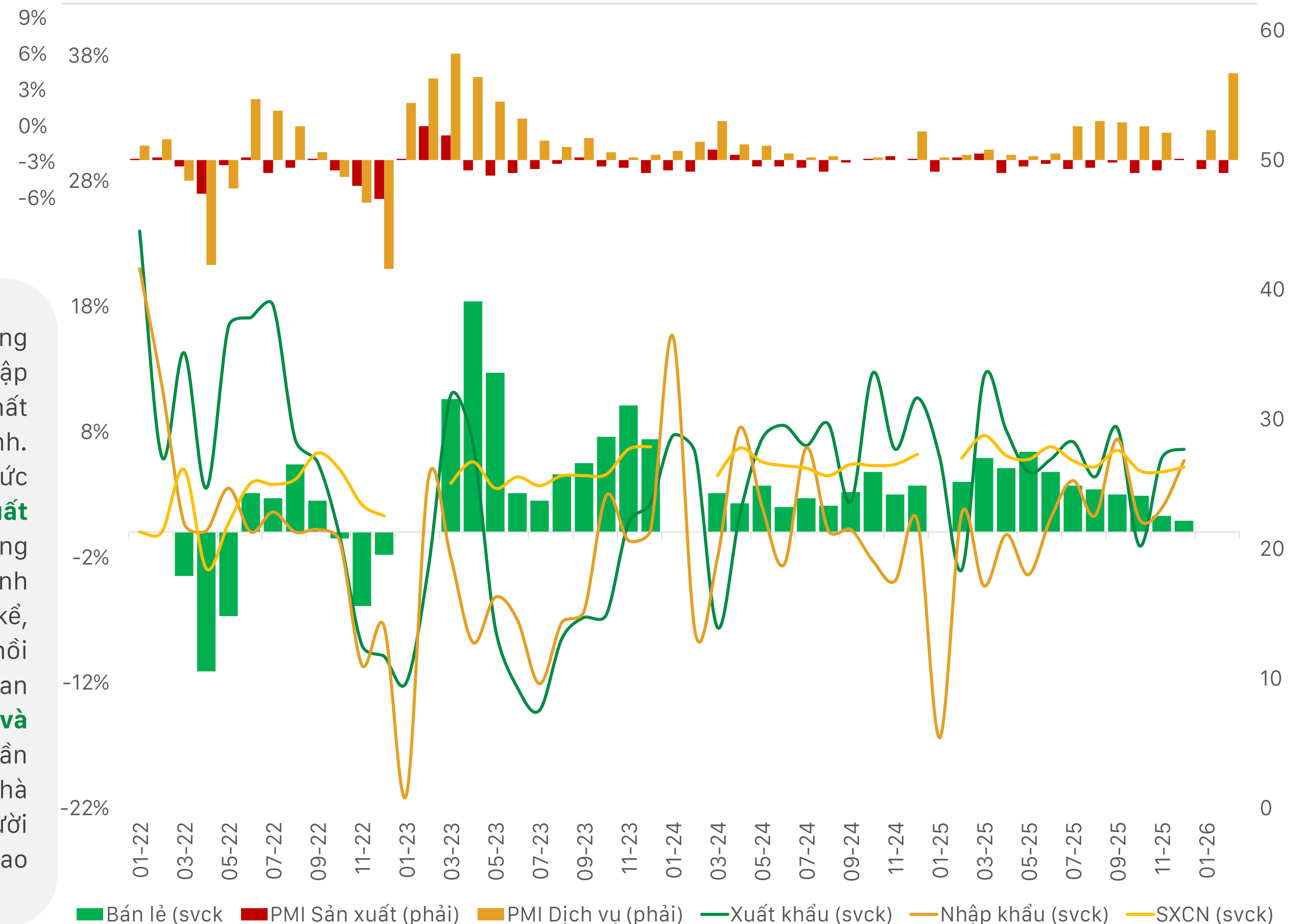
Kinh tế Trung Quốc thể hiện trạng thái “tăng trưởng chậm nhưng tái cấu trúc sâu”. Bắc Kinh chấp nhận mức tăng trưởng thấp hơn lịch sử (khoảng 4,5–5 %) để đổi lấy sự ổn định tài chính, kiểm soát rủi ro bất động sản và thúc đẩy các ngành công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn và năng lượng sạch. Trong ngắn hạn, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp vẫn sẽ là trụ cột chính của GDP, đặc biệt nhờ nhu cầu toàn cầu đối với sản phẩm công nghệ và chuỗi cung ứng mới. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất nằm ở nội lực kinh tế: tiêu dùng hộ gia đình yếu, thị trường bất động sản chưa phục hồi và xu hướng nhân khẩu học bất lợi. Nếu Trung Quốc không kích thích được tiêu dùng nội địa và cải thiện niềm tin của hộ gia đình, nền kinh tế có thể duy trì trạng thái tăng trưởng trung bình khoảng 4–4,5 % trong nhiều năm tới — thấp hơn giai đoạn trước nhưng ổn định hơn. Tóm lại: Trung Quốc đang bước vào kỷ nguyên tăng trưởng chậm nhưng định hướng công nghệ và công nghiệp cao, trong đó thành công của chiến lược chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tiêu dùng và đổi mới sáng tạo sẽ quyết định triển vọng kinh tế của nước này trong thập kỷ tới.

## Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích



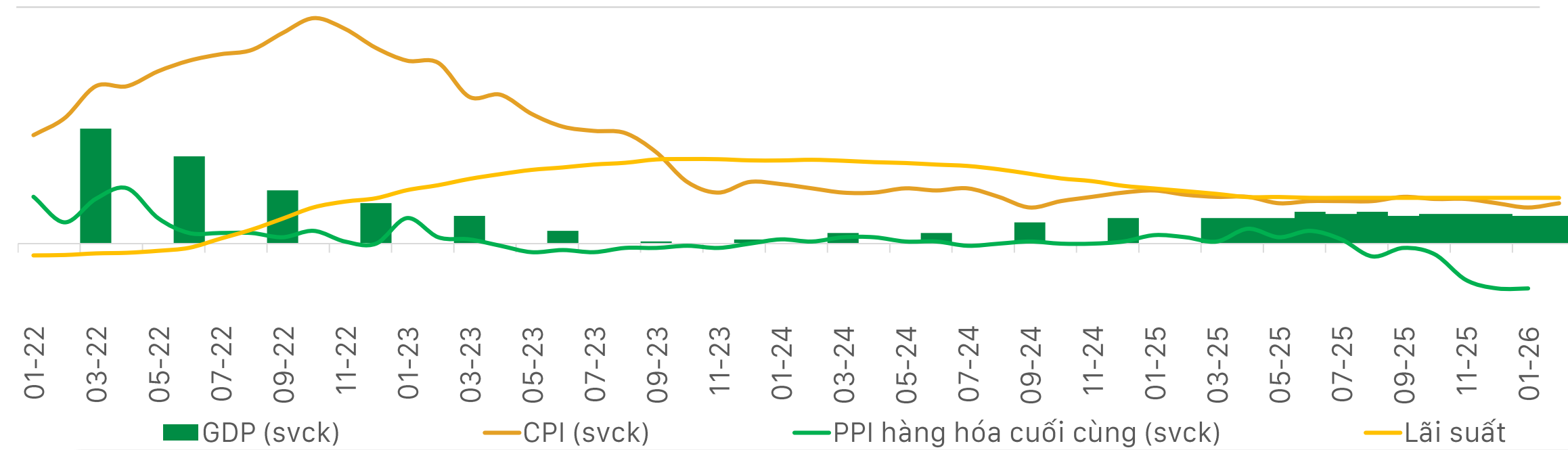
**1. Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích.** Tại kỳ họp Quốc hội đầu tháng 03/2026, Bắc Kinh đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 khoảng 4,5–5 %, mức thấp nhất kể từ đầu thập niên 1990. Điều này phản ánh sự chuyển dịch chiến lược từ “tăng trưởng nhanh” sang phát triển chất lượng cao, trong bối cảnh bất động sản suy yếu, tiêu dùng yếu và môi trường toàn cầu bất định. Nhiều tổ chức quốc tế như IMF cũng dự báo tăng trưởng khoảng 4,5 % trong năm 2026, thấp hơn mức 5 % năm 2025 nhưng vẫn cho thấy nền kinh tế duy trì đà mở rộng ổn định. **2. Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính.** Những tháng đầu năm 2026 ghi nhận bùng nổ xuất khẩu với mức tăng khoảng 21,8 % trong giai đoạn tháng 1–2, nhờ nhu cầu mạnh đối với điện tử, bán dẫn và các ngành công nghệ mới như xe điện, pin và năng lượng mặt trời. Các chỉ số sản xuất cũng cải thiện đáng kể, với PMI sản xuất tháng 2 tăng mạnh nhất kể từ năm 2020, cho thấy hoạt động công nghiệp phục hồi nhờ đơn hàng mới và nhu cầu toàn cầu. Điều này khiến xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò trụ cột quan trọng của tăng trưởng, đặc biệt khi nhu cầu trong nước chưa phục hồi hoàn toàn. **3. Tiêu dùng yếu và bất động sản vẫn là điểm nghẽn cấu trúc.** Bất chấp xuất khẩu mạnh, cầu nội địa vẫn khá yếu, phần lớn do khủng hoảng bất động sản kéo dài làm giảm tài sản hộ gia đình và niềm tin tiêu dùng. Giá nhà tại nhiều khu vực đã giảm mạnh so với đỉnh năm 2021, ảnh hưởng đến chi tiêu và đầu tư của người dân. Ngoài ra, các yếu tố dài hạn như tỷ lệ sinh thấp, dân số già hóa và thất nghiệp thanh niên cao cũng làm suy giảm động lực tiêu dùng và thay đổi hành vi chi tiêu của thế hệ trẻ.

## Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính



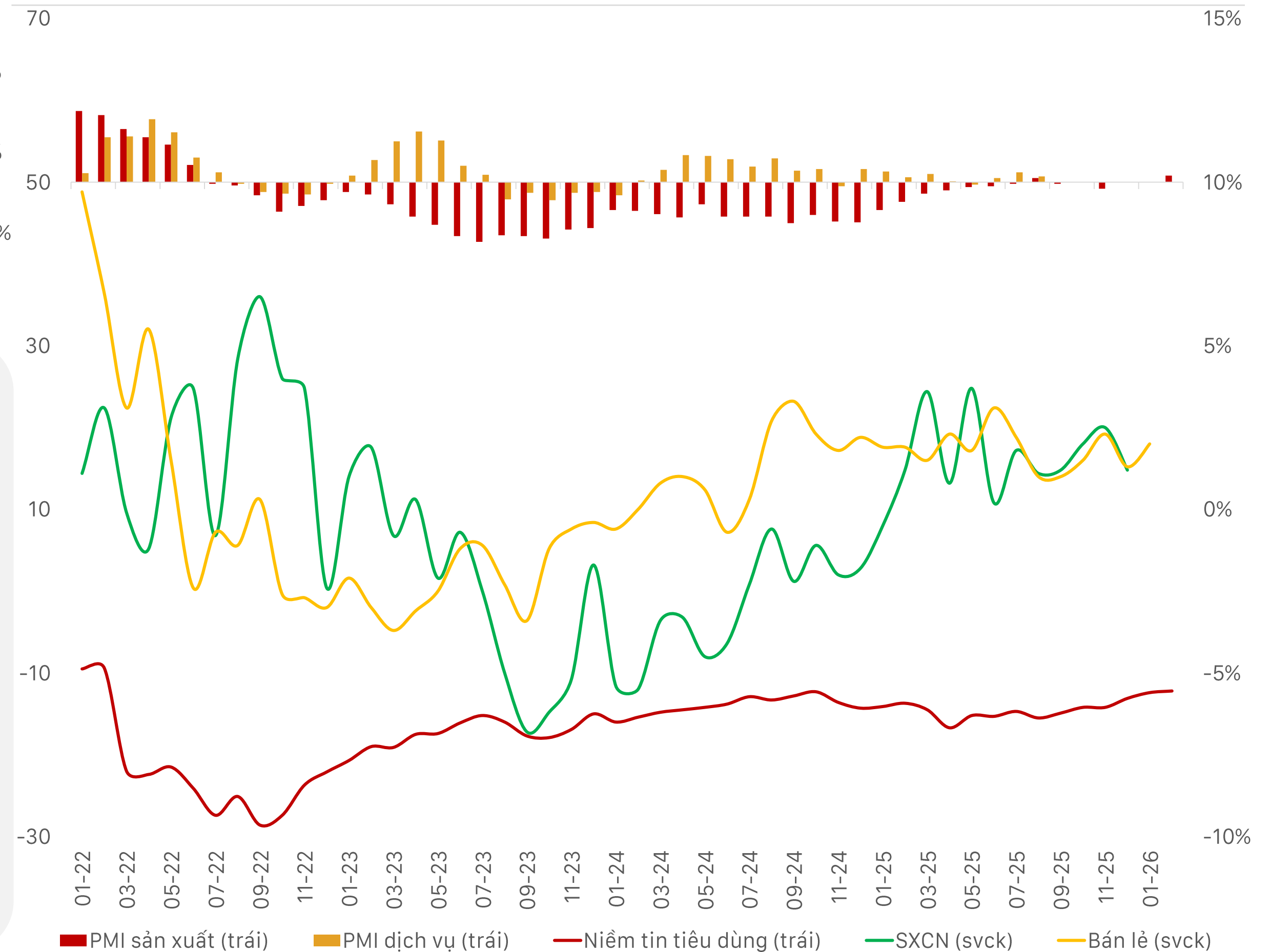
Kinh tế châu Âu thể hiện trạng thái “ổn định nhưng thiếu động lực bứt phá”. Việc lạm phát giảm về gần mục tiêu đã giúp môi trường tài chính bớt căng thẳng và mở ra khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng điều này không đủ để nhanh chóng khôi phục tốc độ tăng trưởng cao. Những thách thức cấu trúc — bao gồm năng suất thấp, dân số già hóa và sự phụ thuộc lớn vào thương mại toàn cầu — tiếp tục hạn chế tiềm năng tăng trưởng của khu vực. Trong trung hạn, triển vọng của châu Âu phụ thuộc vào khả năng tăng đầu tư công nghệ, chuyển đổi năng lượng và củng cố thị trường nội khối để tạo ra nguồn tăng trưởng mới. Nếu các chính sách kích thích đầu tư và cải thiện năng suất được triển khai hiệu quả, khu vực có thể duy trì tăng trưởng ổn định quanh 1–1,5 % trong giai đoạn 2026–2027. Tuy nhiên, nếu cầu nội địa và đầu tư tư nhân không cải thiện đáng kể, châu Âu có nguy cơ tiếp tục rơi vào trạng thái tăng trưởng thấp kéo dài so với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

## Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định



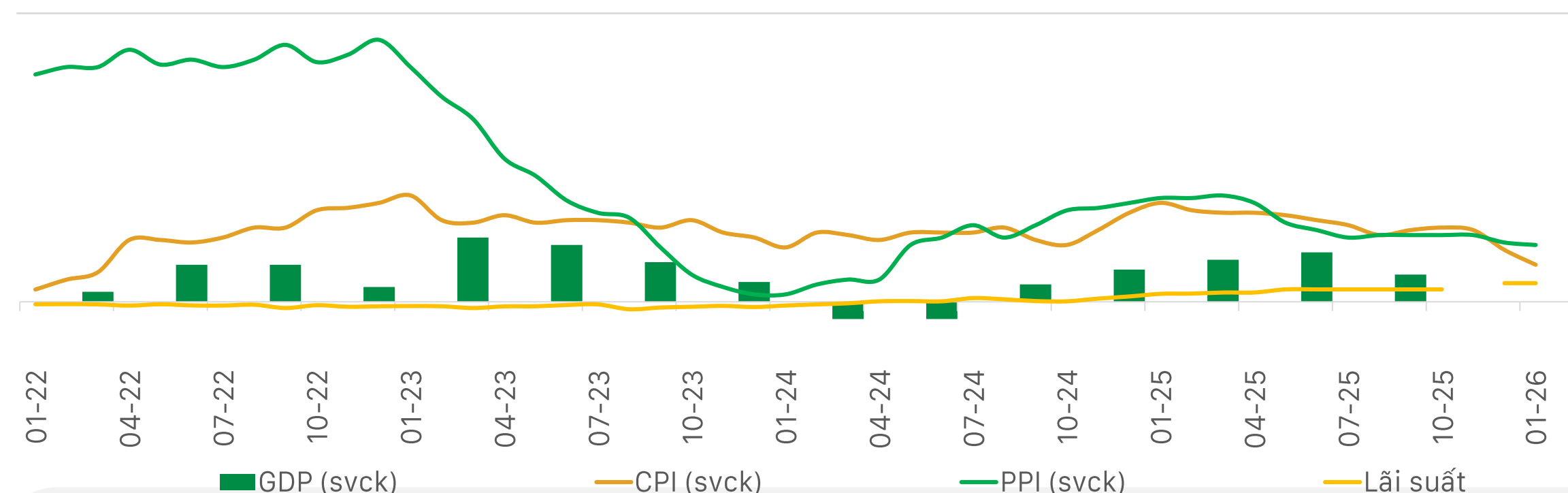
**1. Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định.** Các báo cáo kinh tế đầu năm 2026 cho thấy khu vực đồng euro duy trì tăng trưởng GDP khoảng 1,2–1,5 % trong năm 2026, phản ánh trạng thái phục hồi chậm sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ kéo dài. Hoạt động sản xuất có dấu hiệu cải thiện nhẹ nhờ đơn hàng xuất khẩu tăng, trong khi dịch vụ vẫn là khu vực đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng. Tuy nhiên, tốc độ mở rộng vẫn thấp so với Mỹ và nhiều nền kinh tế châu Á, cho thấy nền kinh tế châu Âu đang trong giai đoạn tăng trưởng thận trọng. **2. Lạm phát giảm rõ rệt, mở ra chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Lạm phát khu vực euro đã giảm đáng kể so với giai đoạn 2022–2023 và hiện dao động quanh 2 % hoặc thấp hơn, gần với mục tiêu của European Central Bank. Điều này tạo điều kiện để ngân hàng trung ương chuyển dần sang chính sách hỗ trợ tăng trưởng, với kỳ vọng thị trường rằng lãi suất có thể tiếp tục được điều chỉnh giảm trong năm 2026. Lạm phát giảm chủ yếu nhờ giá năng lượng ổn định hơn và chuỗi cung ứng toàn cầu bình thường hóa. **3. Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.** Dù môi trường lạm phát thuận lợi hơn, cầu nội địa của châu Âu vẫn khá yếu do niềm tin tiêu dùng thấp và tăng trưởng thu nhập chậm. Các nền kinh tế lớn như Germany và France đang phục hồi chậm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Đồng thời, sự phân hóa trong nội khối tiếp tục rõ rệt khi một số nền kinh tế Nam Âu hưởng lợi từ du lịch và dịch vụ, trong khi khu vực công nghiệp ở Trung Âu vẫn đối mặt với nhu cầu toàn cầu yếu.

## Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.



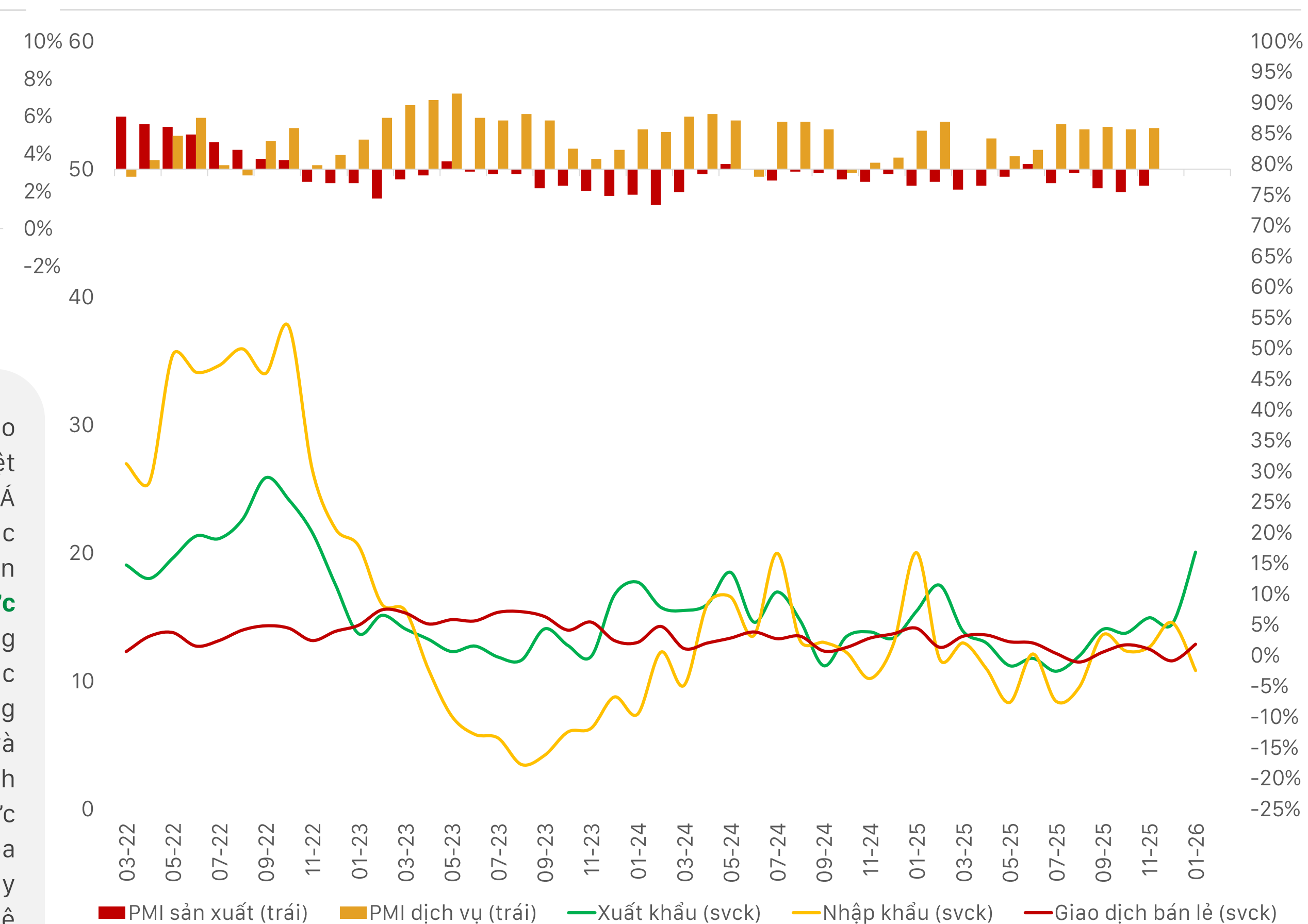
Nền kinh tế Nhật Bản cho thấy trạng thái phục hồi ổn định nhưng phụ thuộc vào các động lực bên ngoài. Sản xuất và xuất khẩu vẫn là trụ cột quan trọng của tăng trưởng, trong khi tiêu dùng nội địa và nhân khẩu học tiếp tục hạn chế tốc độ mở rộng của nền kinh tế. Quá trình bình thường hóa chính sách của Bank of Japan đánh dấu bước chuyển lớn sau nhiều năm duy trì lãi suất cực thấp, nhưng việc điều chỉnh sẽ diễn ra rất thận trọng để tránh gây sốc cho thị trường tài chính và doanh nghiệp. Trong trung hạn, triển vọng tăng trưởng của Nhật Bản phụ thuộc vào khả năng tăng năng suất thông qua công nghệ, tự động hóa và đầu tư vào các ngành chiến lược như bán dẫn, AI và năng lượng sạch. Nếu những chiến lược này được triển khai hiệu quả, nền kinh tế có thể duy trì tăng trưởng ổn định khoảng 1–1,5 % mỗi năm, đồng thời cải thiện sức cạnh tranh toàn cầu. Tuy nhiên, nếu tiêu dùng nội địa không được cải thiện và áp lực nhân khẩu học tiếp tục gia tăng, Nhật Bản có thể vẫn duy trì mô hình tăng trưởng thấp nhưng ổn định trong phần còn lại của thập kỷ.

## Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa



**1. Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính.** Những báo cáo kinh tế gần đây cho thấy sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của Japan tiếp tục phục hồi trong đầu năm 2026, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao như bán dẫn, thiết bị điện tử và ô tô. Nhu cầu từ các thị trường châu Á và Mỹ giúp đơn hàng mới tăng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng GDP trong bối cảnh tiêu dùng nội địa phục hồi chậm. Các chỉ số PMI sản xuất duy trì trên ngưỡng mở rộng, cho thấy khu vực công nghiệp vẫn đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế. **2. Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa.** Lạm phát tại Nhật Bản duy trì gần mức 2 %, phản ánh sự cân bằng giữa chi phí nhập khẩu giảm và giá dịch vụ trong nước tăng. Trong bối cảnh đó, Bank of Japan tiếp tục quá trình rút dần các chính sách tiền tệ siêu nới lỏng đã kéo dài nhiều năm. Tuy nhiên, ngân hàng trung ương vẫn thận trọng trong việc tăng lãi suất mạnh để tránh làm suy yếu đà phục hồi kinh tế và tiêu dùng. **3. Thách thức dài hạn từ tiêu dùng yếu và nhân khẩu học.** Mặc dù nền kinh tế ổn định hơn so với giai đoạn trước, cầu nội địa tại Nhật Bản vẫn tương đối yếu do tăng trưởng tiền lương thực tế chưa đủ mạnh và tâm lý tiết kiệm của hộ gia đình. Ngoài ra, các yếu tố cấu trúc như dân số già hóa nhanh và lực lượng lao động thu hẹp tiếp tục gây áp lực lên tiềm năng tăng trưởng dài hạn. Điều này khiến chính phủ tập trung vào các chính sách thúc đẩy năng suất, chuyển đổi số và đầu tư công nghệ cao.

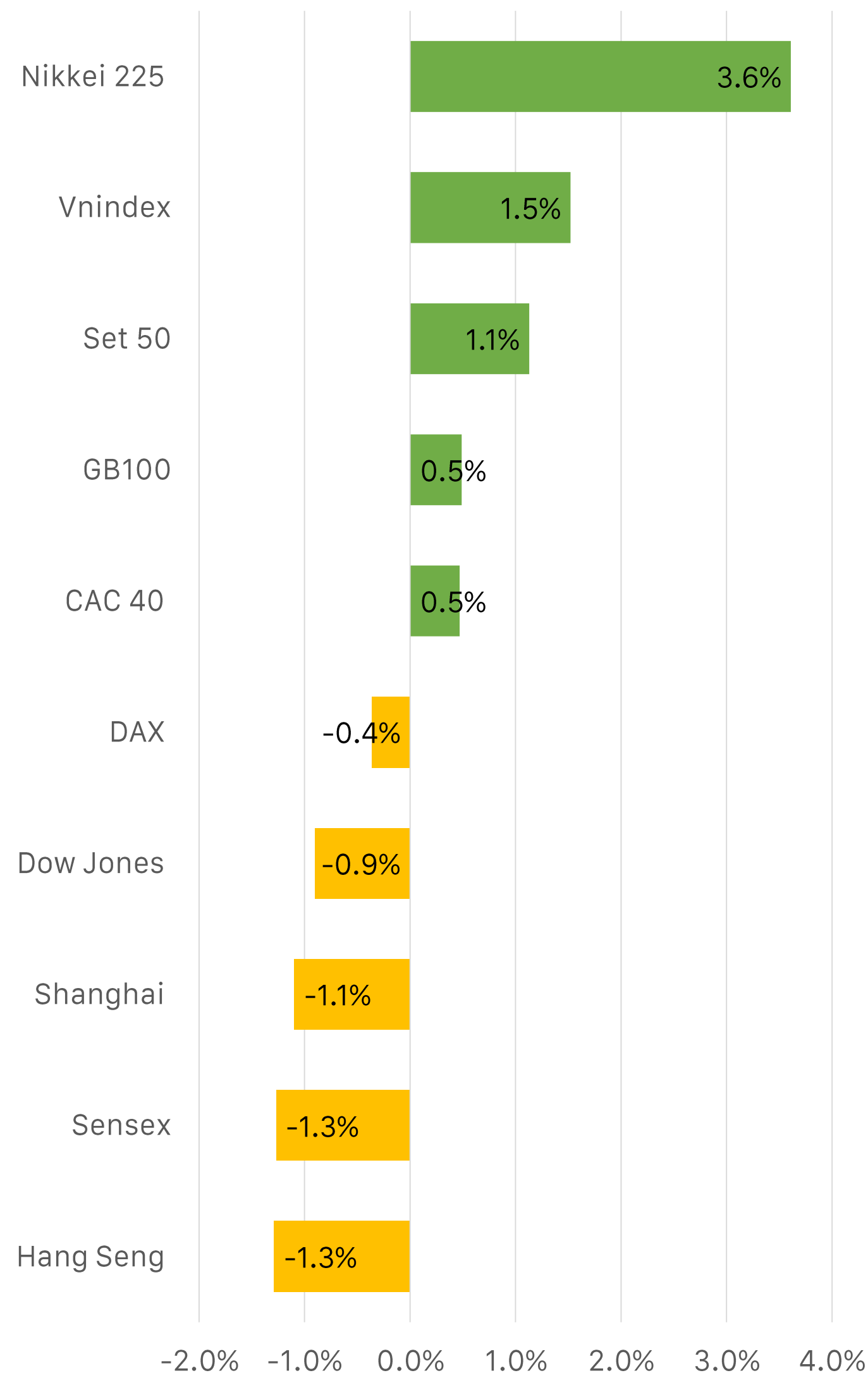
## Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	4,495.05	0.1%	-15.6%	4.1%	45.7%
WTI/USD	99.64	1.4%	39.9%	73.5%	43.7%
Bitcoin	66,403	-3.3%	1.0%	-24.1%	-19.6%
Dow Jones	45,167	-0.9%	-7.6%	-6.0%	8.6%
S&P 500	6,369	-2.1%	-7.5%	-7.0%	14.1%
Nasdaq	23,133	-3.2%	-7.4%	-8.4%	20.0%
GP100	9,967	0.5%	-7.5%	0.4%	15.1%
DAX	22,301	-0.4%	-9.5%	-8.9%	-0.7%
CAC 40	7,702	0.5%	-8.3%	-5.5%	-2.7%
Euro Stoxx 50	5,500	0.0%	-8.1%	-5.0%	3.2%
Nikkei 225	53,373	3.6%	-8.1%	6.0%	43.8%
Shanghai	3,914	-1.1%	-6.4%	-1.4%	16.8%
Hang Seng	24,952	-1.3%	-4.3%	-2.7%	6.5%
Vnindex	1,673	1.5%	-9.4%	-6.3%	27.0%
VND/USD	26,338	0.1%	0.7%	0.1%	3.1%
DXY	100.15	0.5%	1.8%	1.9%	-3.7%

- Tuần giao dịch 23–29/3 chứng kiến bức tranh tài chính toàn cầu có nhiều biến động khi dòng tiền quốc tế có xu hướng thận trọng hơn trước các rủi ro vĩ mô và địa chính trị. Diễn biến của các chỉ số chứng khoán lớn cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực, trong khi các tài sản thay thế như Bitcoin và vàng cũng ghi nhận biến động đáng chú ý.
- Trên thị trường chứng khoán Mỹ, các chỉ số chính đồng loạt điều chỉnh trong tuần. Chỉ số Dow Jones giảm khoảng 0,9%, trong khi S&P 500 và Nasdaq lần lượt giảm 2,1% và 3,2%. Nhịp giảm mạnh hơn của Nasdaq cho thấy áp lực bán tập trung vào nhóm cổ phiếu công nghệ và tăng trưởng – nhóm vốn nhạy cảm với biến động lãi suất và kỳ vọng kinh tế. Tính trong vòng một tháng, các chỉ số Mỹ đã giảm khá đáng kể, với S&P 500 giảm 7,5% và Nasdaq giảm 7,4%, phản ánh giai đoạn điều chỉnh sau khi thị trường đạt mức định giá cao trước đó. Tuy nhiên, xét trong khung thời gian dài hơn, nền tảng thị trường vẫn tương đối tích cực khi Dow Jones tăng 8,6% và Nasdaq tăng khoảng 20% so với cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy xu hướng dài hạn vẫn được hỗ trợ bởi lợi nhuận doanh nghiệp và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ, dù trong ngắn hạn thị trường đang bước vào giai đoạn điều chỉnh kỹ thuật.
- Ở các thị trường chứng khoán quốc tế, diễn biến nhìn chung khá phân hóa. Tại châu Âu, phần lớn các chỉ số lớn có xu hướng suy yếu trong tháng qua. Chỉ số DAX của Đức giảm 9,5% trong một tháng, CAC 40 của Pháp giảm 8,3%, còn Euro Stoxx 50 giảm khoảng 8,1%. Điều này phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước triển vọng tăng trưởng kinh tế khu vực và áp lực từ chi phí năng lượng. Tuy nhiên, trong tuần gần nhất, một số thị trường đã ghi nhận dấu hiệu ổn định trở lại khi GP100 và CAC 40 tăng khoảng 0,5%, cho thấy lực cầu bắt đáy bắt đầu xuất hiện sau giai đoạn giảm mạnh.

Index Global (% 1 tuần)



- Tại châu Á, bức tranh cũng có sự khác biệt đáng kể giữa các nền kinh tế. Thị trường Nhật Bản nổi bật với diễn biến tích cực khi chỉ số Nikkei 225 tăng mạnh 3,6% trong tuần và tăng tới 43,8% trong vòng một năm, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Nhật cũng như dòng vốn quốc tế quay trở lại thị trường này. Ngược lại, các thị trường Trung Quốc và Hồng Kông vẫn chịu áp lực điều chỉnh khi chỉ số Shanghai giảm 1,1% và Hang Seng giảm 1,3% trong tuần. Sự suy yếu này phần nào phản ánh những lo ngại về tăng trưởng kinh tế và dòng vốn ngoại rút khỏi các thị trường mới nổi trong bối cảnh bất ổn toàn cầu.
- Trên thị trường tài sản số, Bitcoin có tuần giao dịch khá biến động khi giảm khoảng 3,3%, đưa giá xuống quanh vùng 66.400 USD. Dù vậy, xét trong một tháng, Bitcoin vẫn tăng nhẹ khoảng 1%, cho thấy xu hướng tích lũy sau giai đoạn tăng mạnh trước đó. Đáng chú ý, tính từ đầu năm, Bitcoin vẫn giảm khoảng 24,1%, phản ánh đặc tính biến động cao của thị trường tiền mã hóa. Tuy nhiên, nếu nhìn trong chu kỳ dài hơn, mức tăng 43,7% trong vòng một năm cho thấy Bitcoin vẫn là một trong những tài sản có hiệu suất cao nhất trên thị trường toàn cầu.
- Trong khi đó, giá vàng tiếp tục duy trì xu hướng ổn định. Trong tuần qua, vàng tăng nhẹ 0,1%, cho thấy vai trò của kim loại quý như một tài sản phòng thủ trong bối cảnh thị trường tài chính biến động. Tuy nhiên, trong vòng một tháng, vàng giảm khá mạnh khoảng 15,6%, phản ánh hoạt động chốt lời sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Dù vậy, xét từ đầu năm, vàng vẫn tăng khoảng 4,1% và tăng tới 45,7% trong vòng một năm, khẳng định xu hướng tăng dài hạn của kim loại quý trong bối cảnh bất ổn kinh tế và lạm phát toàn cầu.
- Nhìn chung, tuần giao dịch cuối tháng 3 cho thấy thị trường tài chính toàn cầu đang bước vào giai đoạn tái cân bằng sau nhịp tăng dài, với chứng khoán Mỹ và châu Âu điều chỉnh trong khi một số thị trường châu Á và Việt Nam có dấu hiệu phục hồi ngắn hạn. Trong bối cảnh này, dòng tiền có xu hướng dịch chuyển linh hoạt giữa các nhóm tài sản như cổ phiếu, vàng và tiền mã hóa, phản ánh tâm lý thận trọng nhưng vẫn tìm kiếm cơ hội của nhà đầu tư toàn cầu.

# ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



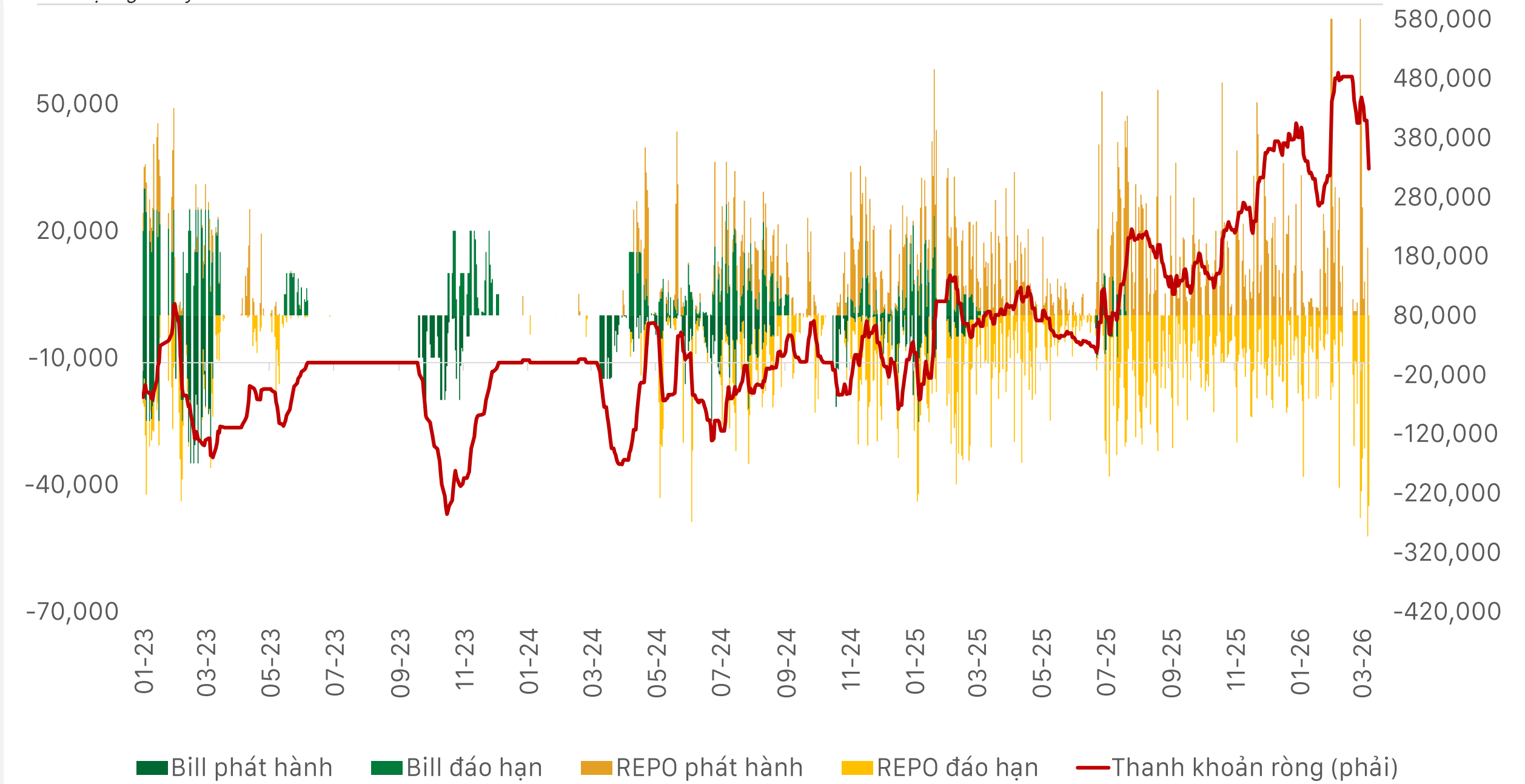
**NHNN duy trì bơm thanh khoản – ưu tiên ổn định lãi suất.** Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống tiếp tục được hỗ trợ, NHNN tiếp tục điều tiết thị trường tiền tệ thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm giữ mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức thấp. Việc bơm ròng OMO trong nhiều thời điểm cho thấy định hướng của cơ quan điều hành là duy trì điều kiện tiền tệ thuận lợi để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời hạn chế biến động quá lớn của lãi suất trong hệ thống. Tuy nhiên, việc duy trì thanh khoản dồi dào cũng cần được cân nhắc trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn tiềm ẩn. Do đó, NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục áp dụng chiến lược điều hành linh hoạt, kết hợp giữa điều tiết thanh khoản và can thiệp ngoại hối khi cần thiết nhằm đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ. **DXY hạ nhiệt – áp lực tỷ giá tạm thời suy giảm.** Chỉ số DXY đã giảm từ vùng đỉnh trước đó và hiện dao động quanh vùng thấp hơn do thị trường điều chỉnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed. Dữ liệu kinh tế Mỹ gần đây cho thấy tăng trưởng và thị trường lao động có dấu hiệu chậm lại, làm gia tăng kỳ vọng về khả năng Fed cắt giảm lãi suất trong thời gian tới. Đối với Việt Nam, tỷ giá USD/VND sau giai đoạn tăng mạnh đã có xu hướng ổn định trở lại. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá duy trì quanh vùng cao nhưng biến động thu hẹp, trong khi chênh lệch giữa thị trường ngân hàng và thị trường tự do không quá lớn. Điều này phản ánh cung – cầu ngoại tệ nhìn chung vẫn tương đối cân bằng nhờ nguồn cung ngoại tệ từ xuất khẩu, FDI và kiều hối tiếp tục duy trì tích cực. **Rủi ro từ giá dầu và yếu tố địa chính trị vẫn cần theo dõi.** Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Giá dầu tăng mạnh có thể làm gia tăng chi phí nhập khẩu năng lượng và gây áp lực lên lạm phát trong nước, đồng thời ảnh hưởng đến cán cân thương mại và kỳ vọng tỷ giá. Trong trường hợp giá dầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài, áp lực lên USD/VND có thể quay trở lại do nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu năng lượng tăng lên. Vì vậy, diễn biến của thị trường năng lượng toàn cầu sẽ là một biến số quan trọng cần theo dõi trong thời gian tới.

## DXY hạ nhiệt từ đỉnh

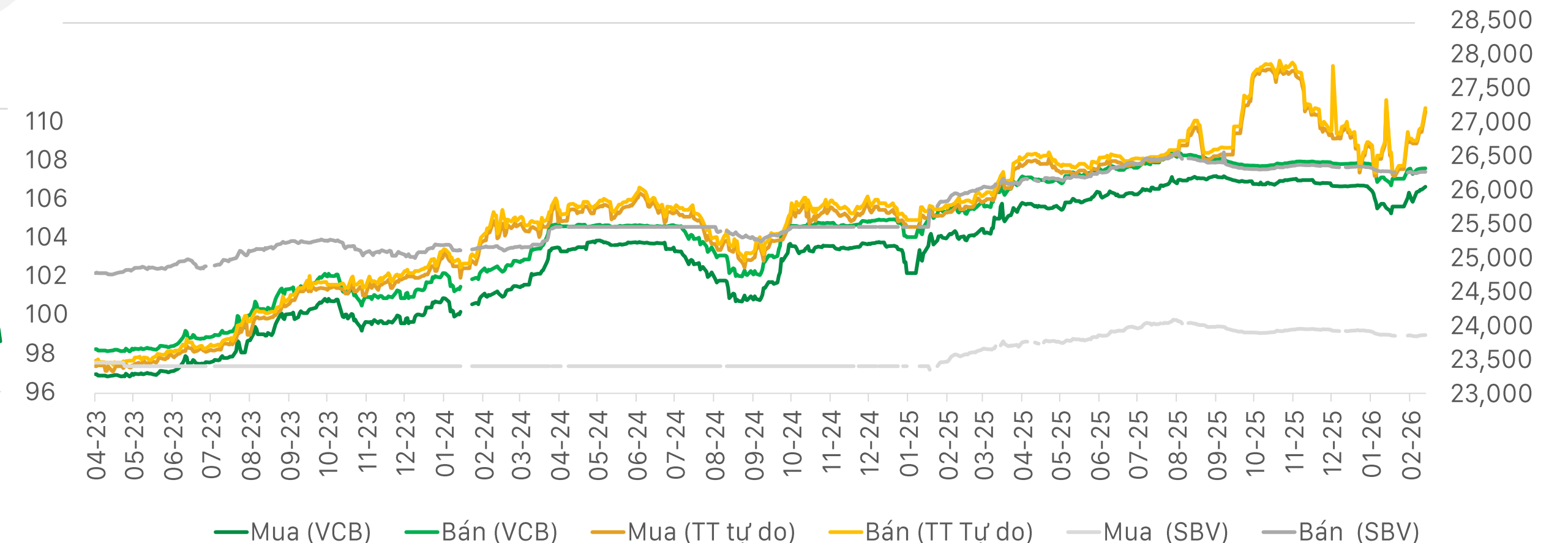


## NHNN duy trì kiểm soát điều hành thanh khoản nhằm hỗ trợ lãi suất

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



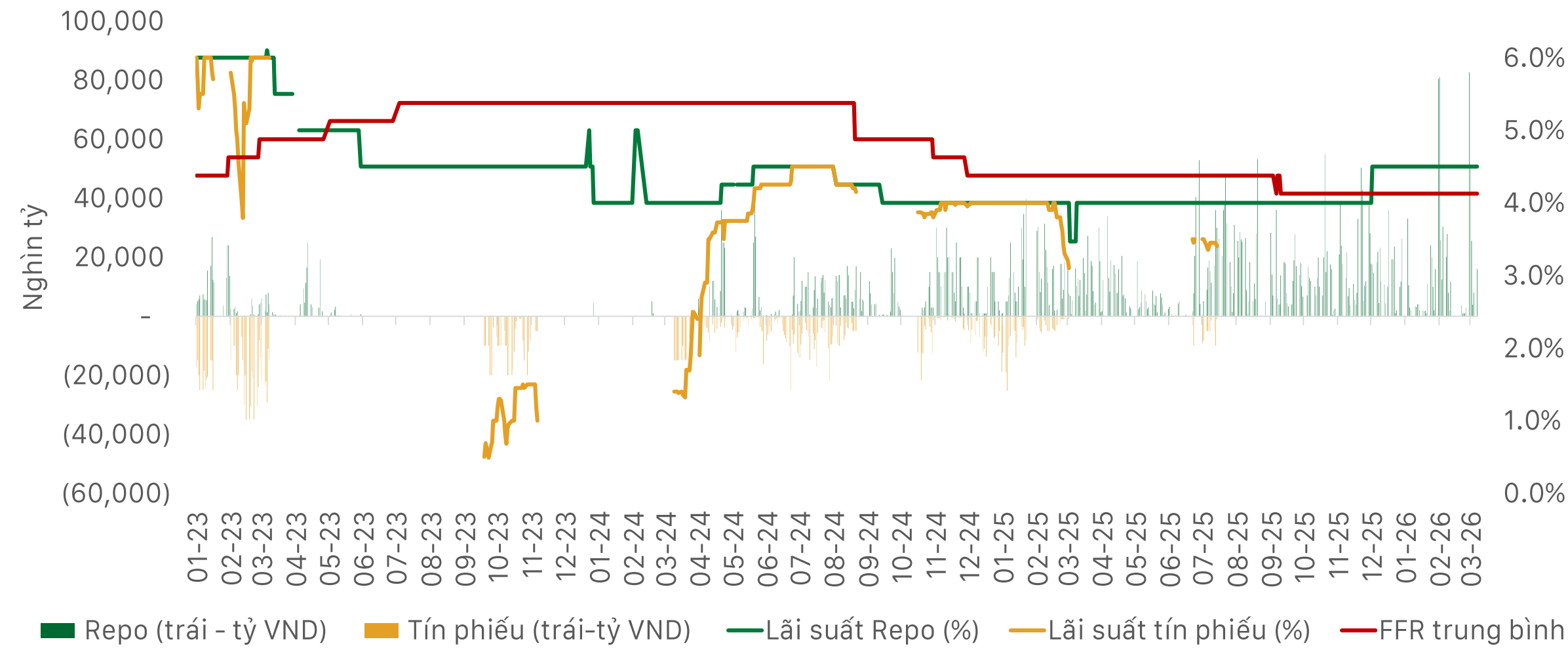
## USD/VND giảm bớt áp lực. Đơn vị: VND/USD



# LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ

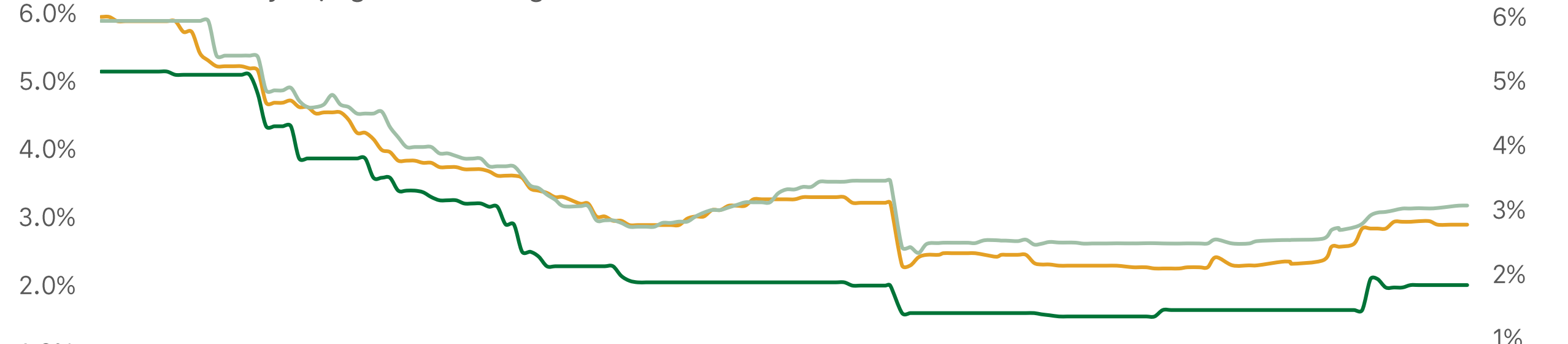


## NHNN tiếp tục bơm thanh khoản bằng công cụ REPO

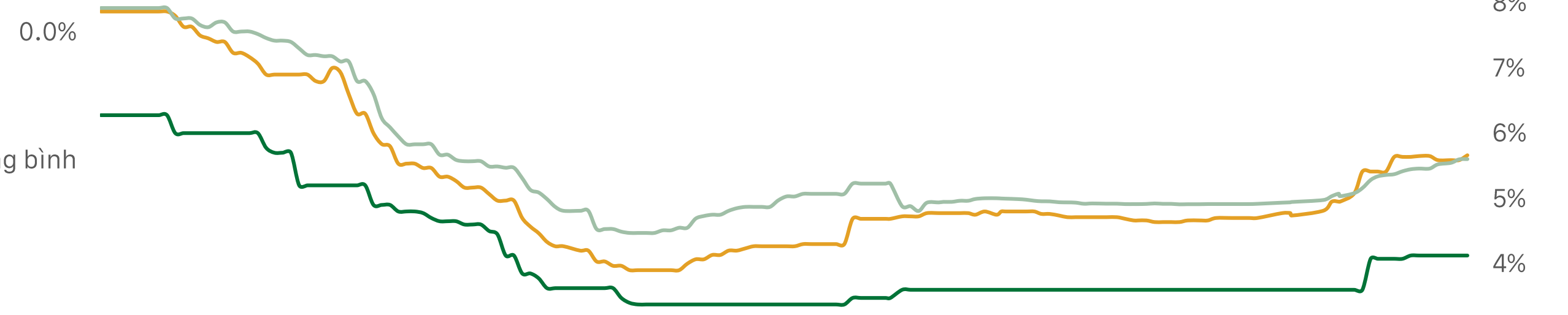


## Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.

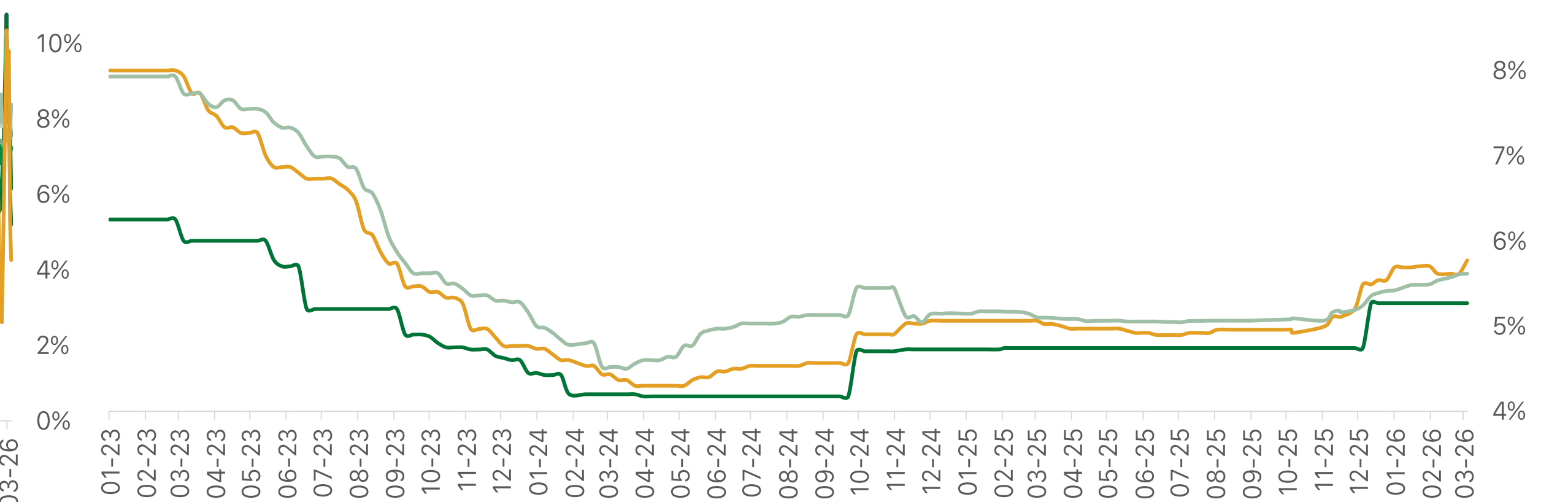
Lãi Suất Huy Động <3 - 6 tháng



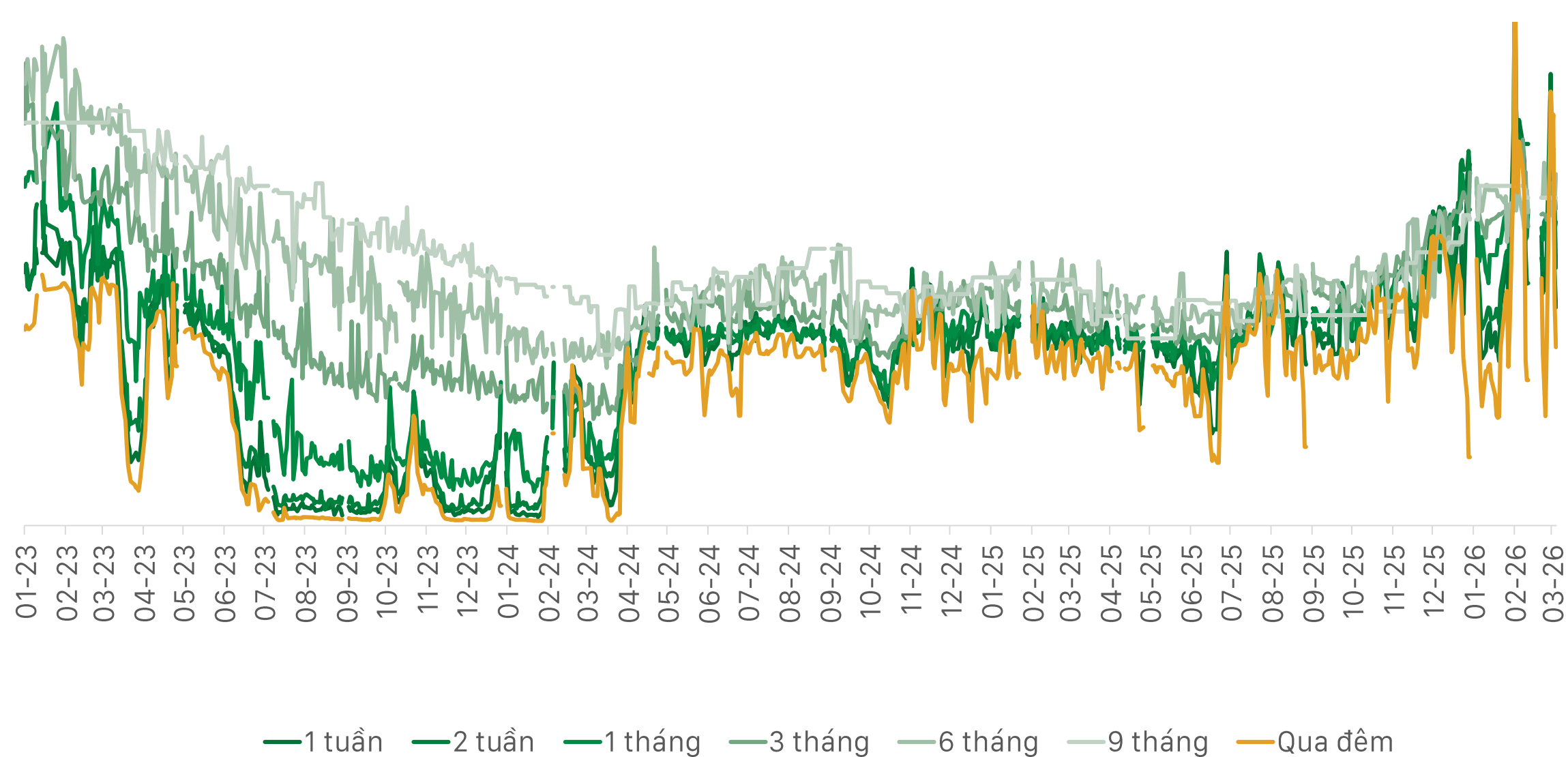
Lãi Suất Huy Động 6 - 9 tháng



Lãi Suất Huy Động > 12 tháng



## Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng đã được kiểm soát

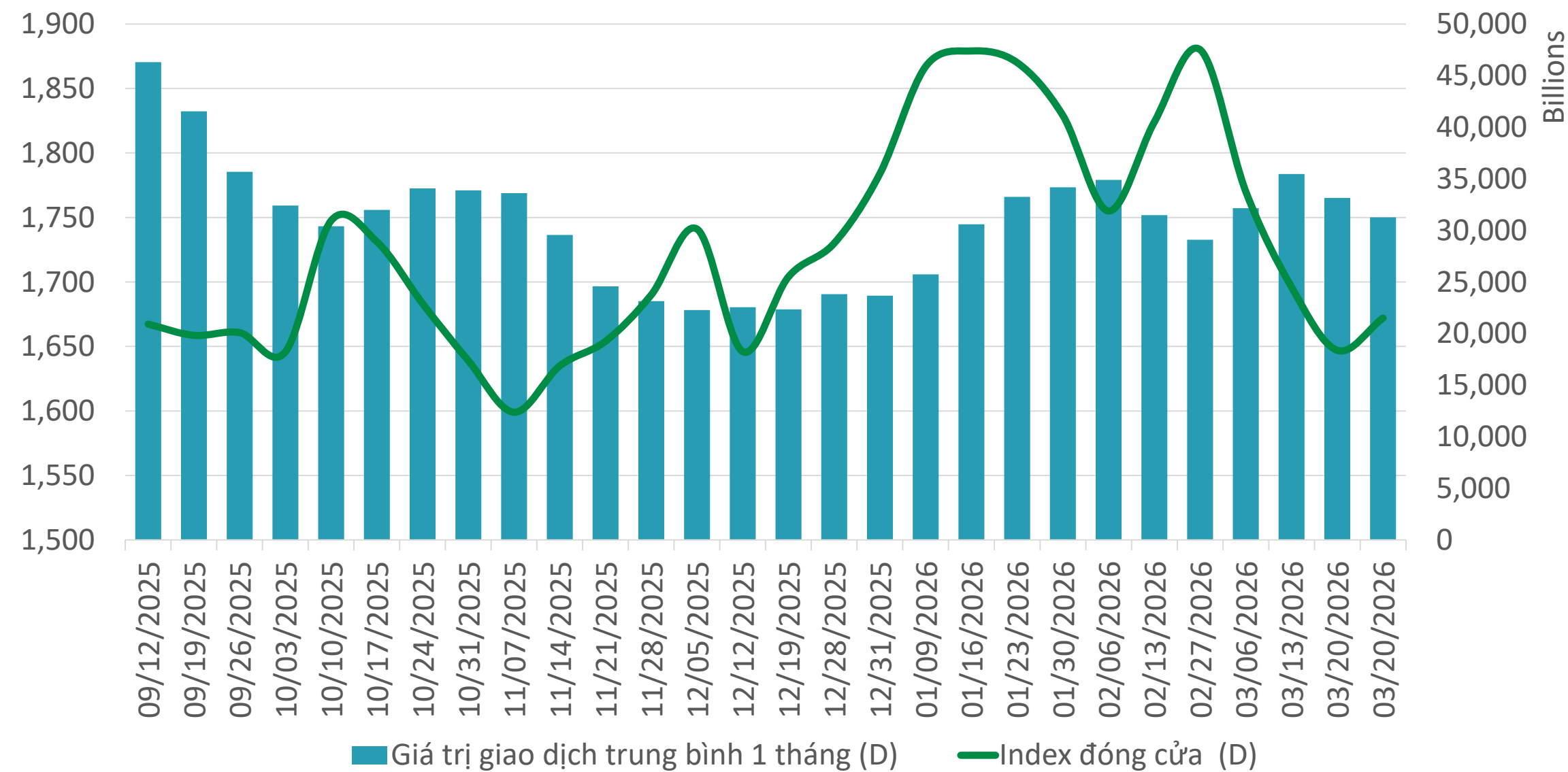


— Nhóm NHTMNN

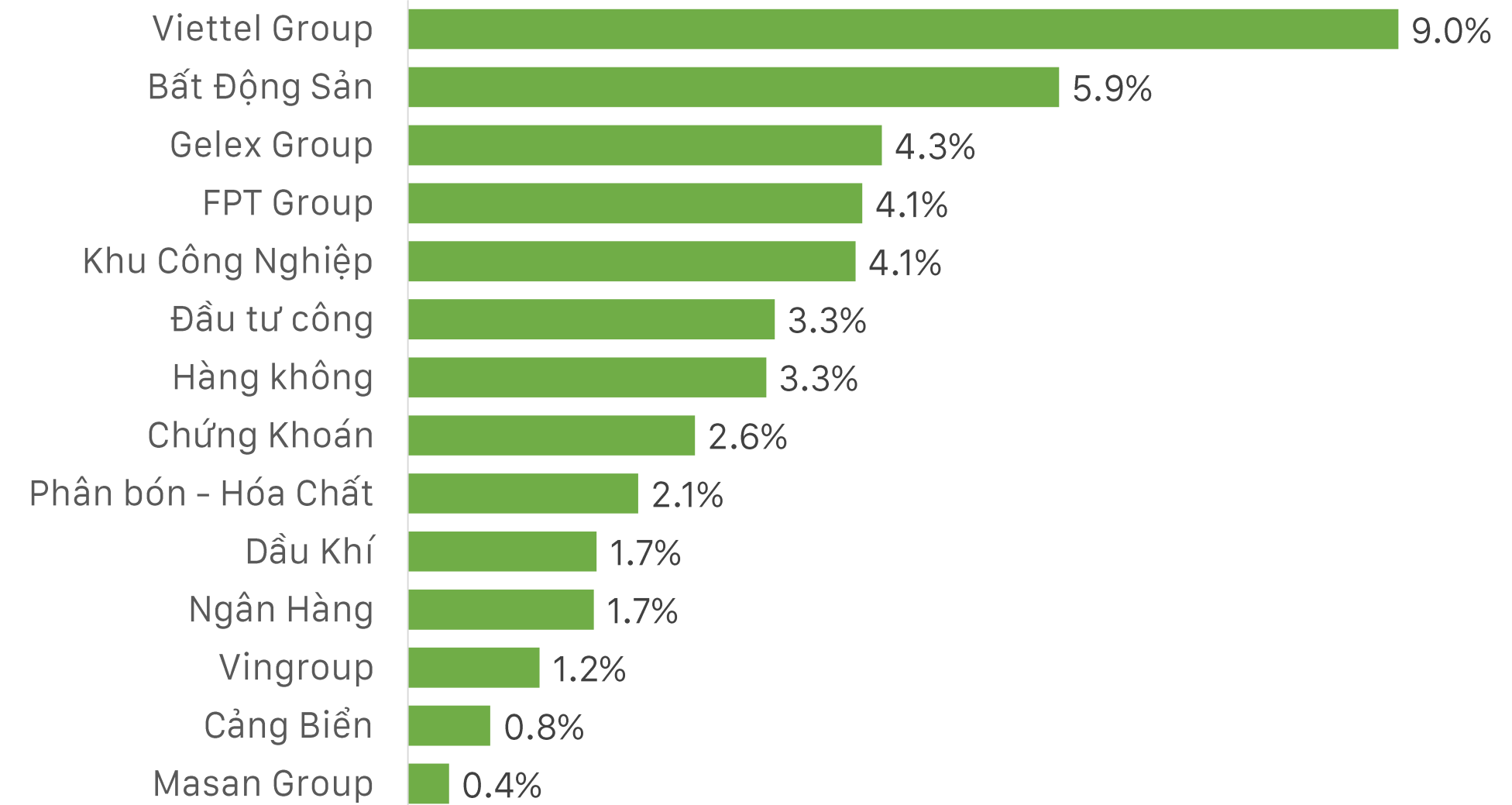
— Nhóm NHTMCP lớn

— Nhóm NHTMCP khác

## VN-Index và thanh khoản



## Biến động các nhóm CP theo tuần

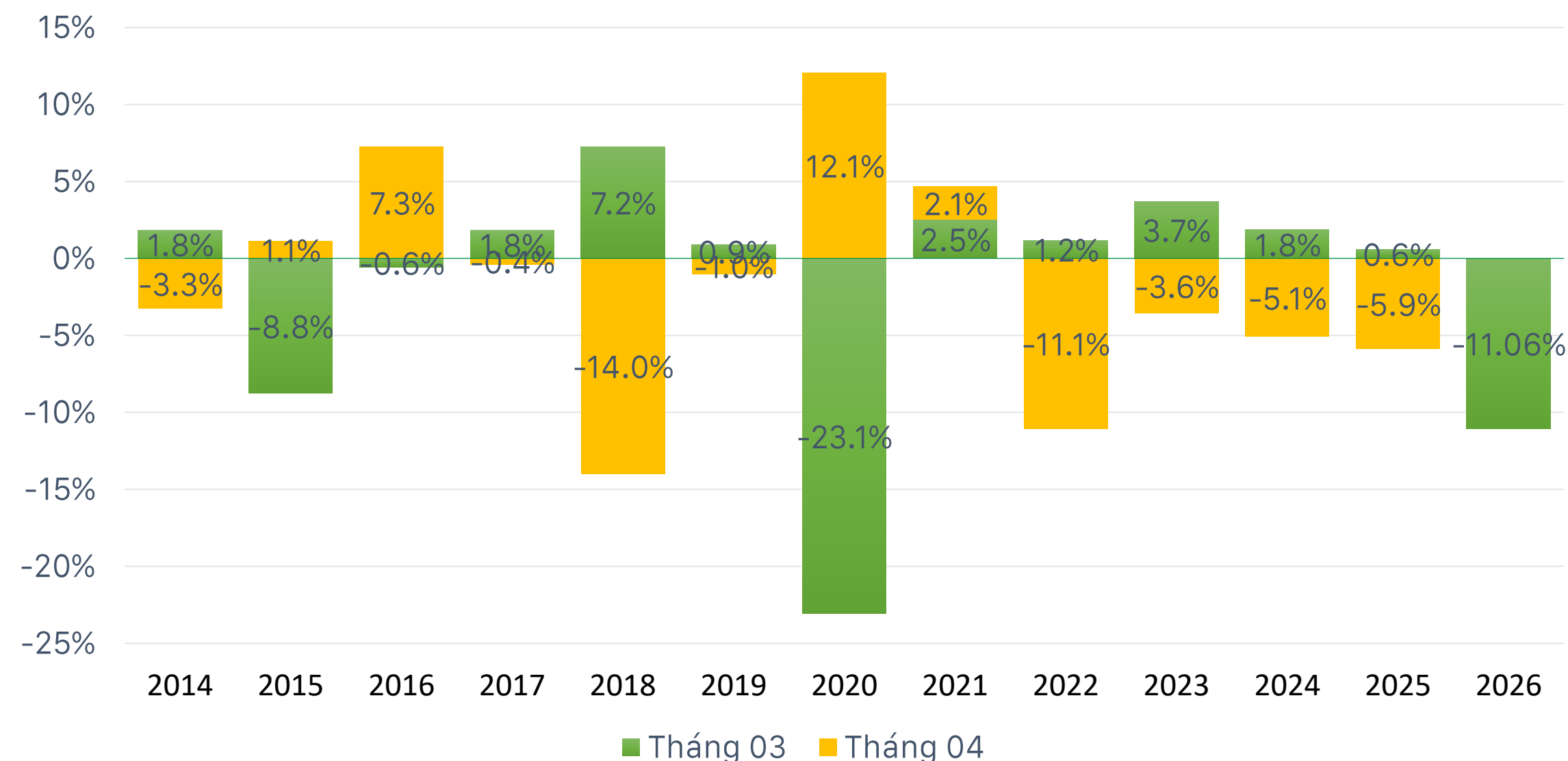


- Tuần giao dịch 23–27/3, thị trường Việt Nam ghi nhận diễn biến tích cực khi chỉ số VN-Index có nhịp hồi phục khá tốt sau giai đoạn điều chỉnh trước đó. Kết tuần, VN-Index đóng cửa quanh vùng 1.673 điểm, tăng khoảng 1,5% so với tuần trước. Thanh khoản thị trường sụt giảm nhẹ so với tuần trước đó, giá trị giao dịch bình quân khoảng 30.000–33000 tỷ đồng/phiên, cho thấy dòng tiền vẫn chưa thật sự mạnh trở lại khi phần lớn nhà đầu tư vẫn còn kẹt trong thua lỗ đợt trước đó và hạn chế gia tăng margin.
- Về diễn biến các nhóm ngành, nhóm cổ phiếu thuộc hệ sinh thái Viettel nổi bật nhất trong tuần khi ghi nhận mức tăng khoảng 9%, trở thành tâm điểm dẫn dắt thị trường. Bên cạnh đó, nhóm bất động sản cũng có diễn biến tích cực với mức tăng khoảng 5,9%, nhờ lực cầu quay trở lại ở một số cổ phiếu vốn hóa vừa và lớn như HDC, NVL, HDG. Các nhóm ngành như công nghệ thông tin (FPT Group), khu công nghiệp và Gelex Group cũng ghi nhận mức tăng trên 4%, phản ánh sự lan tỏa của dòng tiền sang nhiều nhóm ngành khác nhau. Trong khi đó, nhóm chứng khoán tăng khoảng 2,6%, hưởng lợi từ việc thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao. Các ngành phân bón – hóa chất, dầu khí và ngân hàng cũng tăng nhẹ quanh 1,7–2,1%, đóng vai trò hỗ trợ cho xu hướng hồi phục chung của thị trường.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 03,04 từ 2014

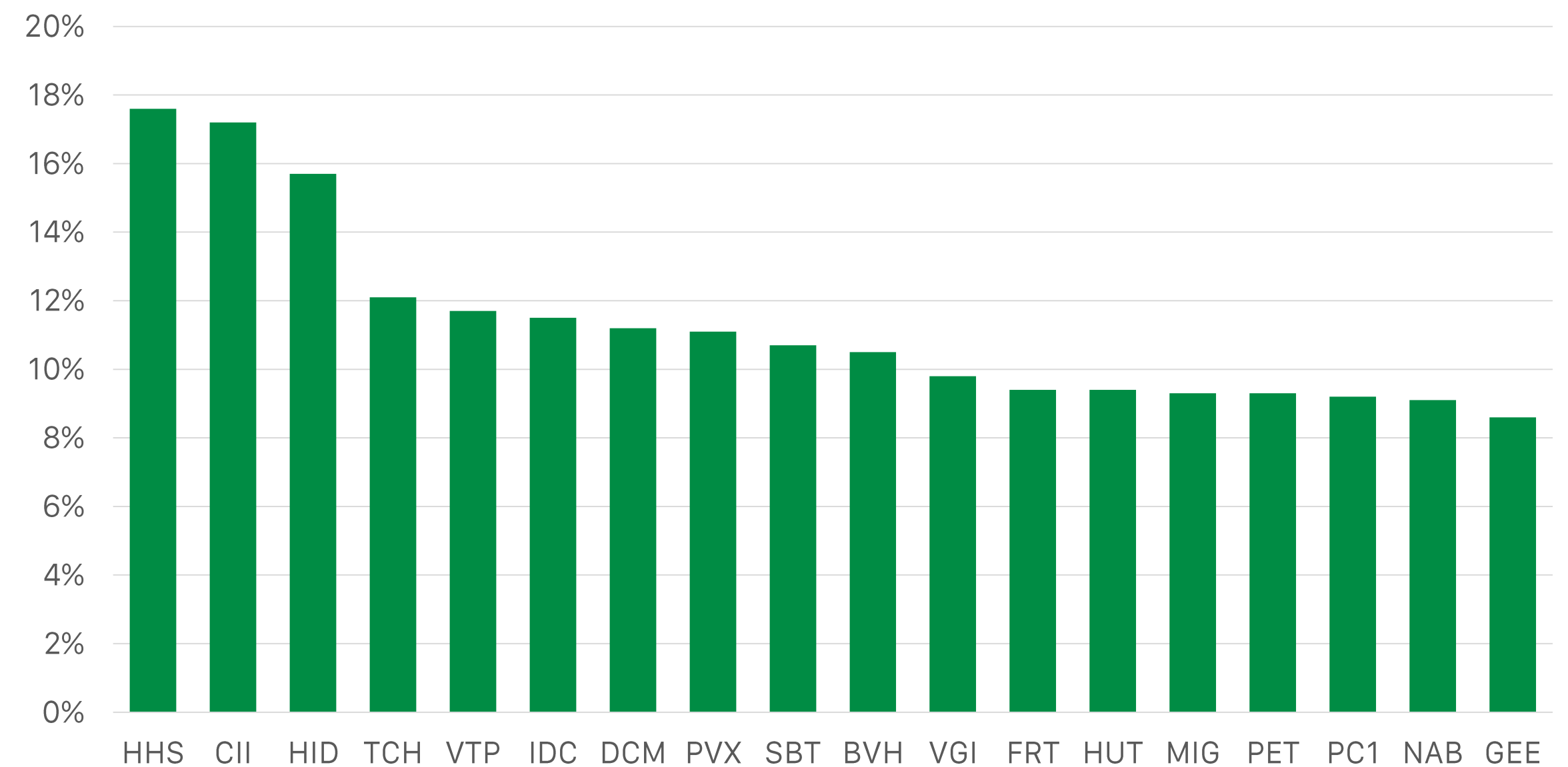


- Sau giai đoạn giao dịch biến động mạnh vừa qua, định giá thị trường đã điều chỉnh đáng kể khi P/E của VN-Index giảm xuống dưới 13,3 lần. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn đồng loạt giảm 5–10%, kéo mặt bằng định giá chung xuống vùng thấp hơn. Mức P/E hiện tại tương đương giai đoạn tháng 3–5/2025, qua đó có thể xem là vùng định giá tương đối hấp dẫn trong trung hạn. Đáng chú ý, một số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm ngân hàng, đang giao dịch ở mức P/E dưới 10 lần, trong đó có nhiều cổ phiếu bluechip đầu ngành.
- Tính đến thời điểm hiện tại, VN-Index đã giảm trung bình hơn 11% trong tháng 3, mức giảm khá mạnh nếu so với thông lệ nhiều năm. Diễn biến này phần nào gợi nhớ đến các giai đoạn biến động mạnh như năm 2015 và 2020, khi thị trường trải qua những nhịp điều chỉnh sâu do tác động từ yếu tố bên ngoài. Trong bối cảnh các biến số vĩ mô và địa chính trị vẫn còn nhiều bất định, thị trường nhiều khả năng tiếp tục đối mặt với áp lực điều chỉnh và dao động mạnh trong ngắn hạn, trước khi có thể hình thành trạng thái cân bằng rõ ràng hơn.

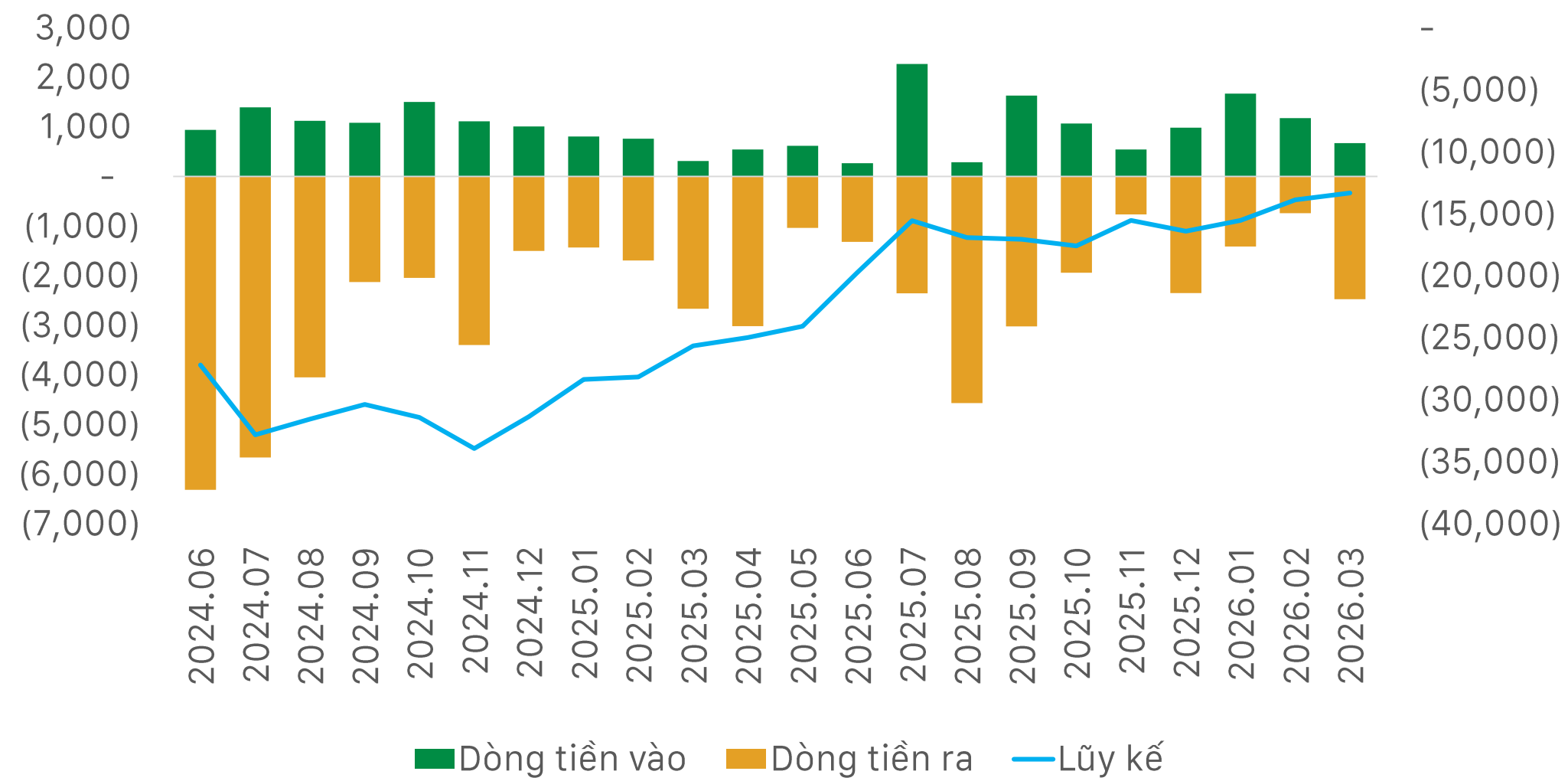
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,672.80	13.55	1.5%	-11.0%
Ngân hàng	738.02	9.20	1.9%	-9.0%
Dịch vụ tài chính	954.70	14.04	2.8%	-8.5%
Bất động sản	994.81	18.06	1.1%	-13.8%
Hóa chất	305.32	16.15	3.6%	-11.2%
Tài nguyên Cơ bản	521.80	16.76	2.2%	-5.2%
Ô tô và phụ tùng	392.62	7.27	7.0%	6.0%
Bán lẻ	1,618.19	17.29	3.3%	-9.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	178.91	10.47	-0.4%	-5.9%
Viễn thông	1,245.30	26.94	8.4%	-10.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7,244.00	13.61	-0.2%	-10.9%
Dầu khí	143.25	20.95	-0.3%	-13.9%
Thực phẩm và đồ uống	644.17	16.94	-7.0%	-27.7%
Xây dựng và Vật liệu	359.03	9.30	0.3%	-4.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	291.21	13.98	0.5%	-14.9%
Y tế	1,089.91	17.21	0.3%	-1.8%
Công nghệ Thông tin	650.88	13.87	1.8%	-17.0%
Truyền thông	602.93	39.02	-2.0%	-7.7%
Bảo hiểm	476.61	17.59	7.3%	0.5%
Du lịch và Giải trí	42.49	25.02	4.2%	-7.7%

- Trong tuần 23–27/3 chỉ số Vnindex đã có nhịp phục hồi đầu tiên tăng khoảng 1.5% lên gần 1700.
- Các nhóm ngành bảo hiểm, Viễn thông, bán lẻ, Hóa chất và chứng khoán là những ngành tăng tốt nhất và ở giai đoạn cuối tuần nhóm bất động sản lại thu hút dòng tiền mạnh tập trung nhiều ở những cổ phiếu lớn như NVL, DXG, NLG. Nhóm ngân hàng, chứng khoán tuy không tăng mạnh nhưng đang tích lũy dần và mang tính ổn định hơn các nhóm còn lại.
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần hầu hết là đến từ nhóm cổ phiếu xây dựng, bất động sản, bán lẻ và hóa chất như HHS, CII, VTP, DCM, BVH, VGI, FRT.

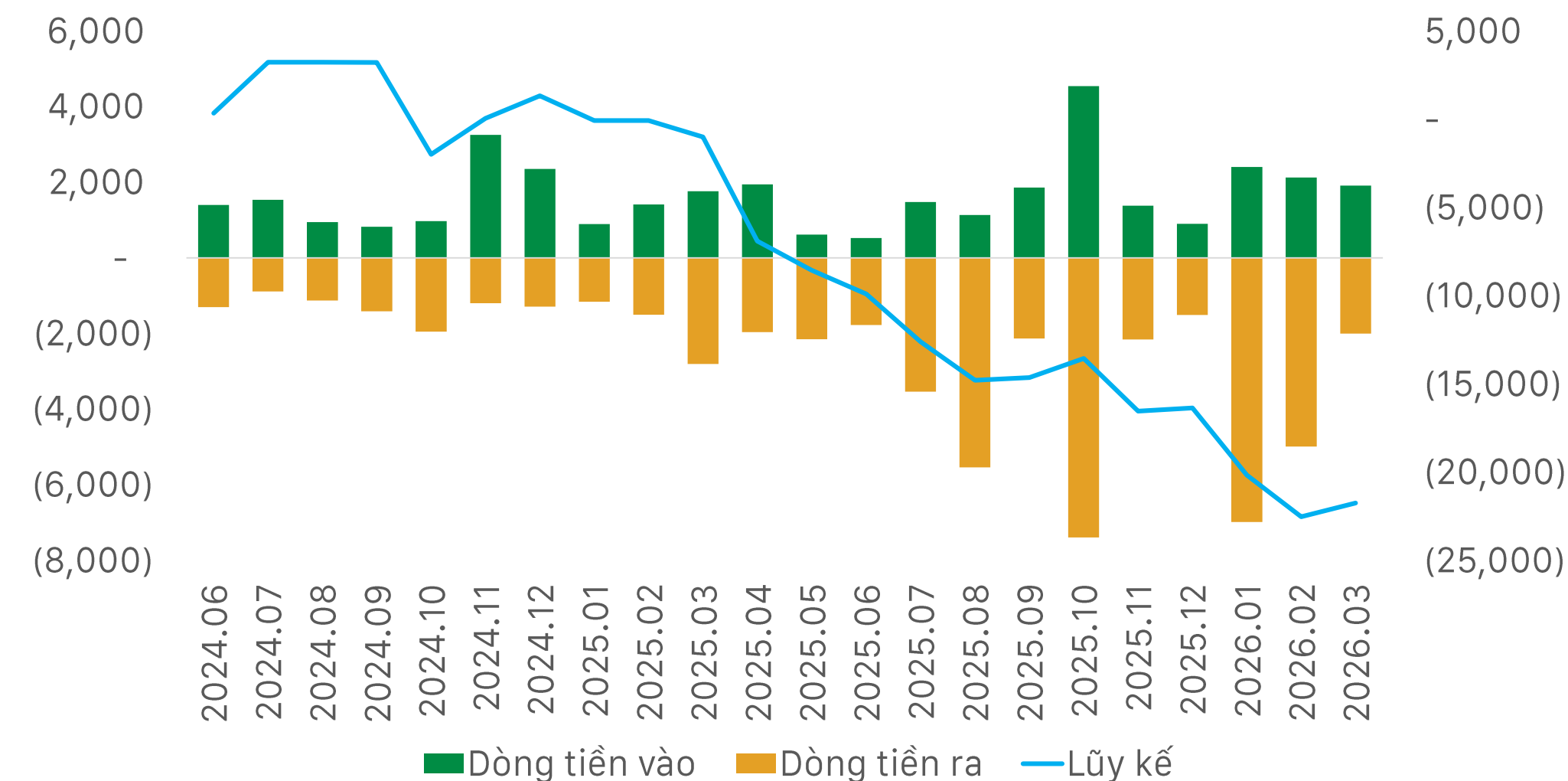
Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



## Dòng vốn toàn cầu trước căng thẳng Trung Đông

- Khi quý I/2026 bước vào giai đoạn cuối, các nhà đầu tư toàn cầu phải đối mặt với nhiều rủi ro mới có thể ảnh hưởng đến danh mục đầu tư. Những yếu tố đáng chú ý bao gồm căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, áp lực trong thị trường tín dụng tư nhân, nguy cơ đình lạm, mức nợ công gia tăng cũng như hiệu quả đầu tư của làn sóng chi tiêu khổng lồ vào trí tuệ nhân tạo. Trước bối cảnh bất định này, dòng tiền toàn cầu có xu hướng tái phân bổ giữa các thị trường và nhóm tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro.
- Tổng thể, các quỹ cổ phiếu toàn cầu vẫn ghi nhận dòng vốn ròng vào khoảng 62,2 tỷ USD, một phần do hoạt động tái cân bằng danh mục khi nhiều hợp đồng phái sinh lớn đồng loạt đáo hạn. Bên cạnh đó, quỹ trái phiếu hút thêm khoảng 10,2 tỷ USD và quỹ thị trường tiền tệ nhận thêm 23,5 tỷ USD, phản ánh xu hướng tăng tỷ trọng tài sản phòng thủ trong bối cảnh các ngân hàng trung ương đồng loạt hợp chính sách tiền tệ. Ngược lại, các quỹ cân bằng và quỹ đầu tư thay thế ghi nhận dòng vốn rút ra nhẹ.
- **Ở thị trường phát triển** (Developed Markets), dòng tiền tiếp tục tập trung vào các quỹ cổ phiếu Mỹ và các quỹ cổ phiếu toàn cầu. Dù nền kinh tế Mỹ xuất hiện một số tín hiệu vĩ mô kém tích cực và giá năng lượng gia tăng, các quỹ cổ phiếu Mỹ vẫn ghi nhận dòng vốn lớn, đặc biệt là các quỹ cổ phiếu đa vốn hóa và quỹ cổ phiếu cổ tức, với mức hút vốn cao nhất trong hơn hai thập kỷ. Nhật Bản và Canada cũng thu hút dòng tiền mạnh, trong khi các quỹ cổ phiếu châu Âu chỉ ghi nhận dòng vốn khiêm tốn do lo ngại về cú sốc năng lượng mới và tác động lên ngành sản xuất. Trong khu vực này, các quỹ cổ phiếu Thụy Sĩ vẫn thu hút dòng tiền đáng kể, trong khi Đức và Tây Ban Nha lại chứng kiến dòng vốn rút ra.

## Top CP các quỹ VN nắm giữ

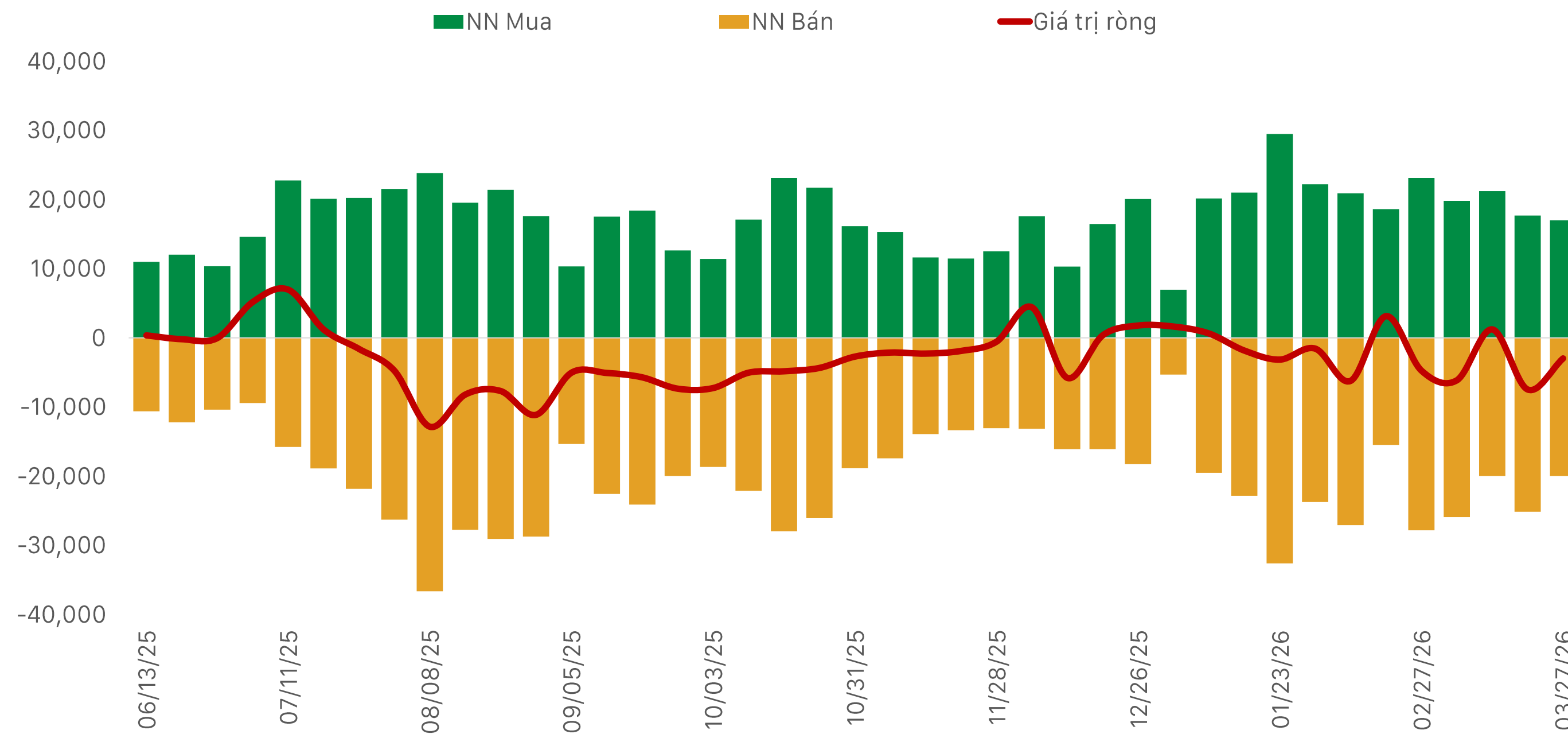
CP	2026.02	Đầu năm	Tăng giảm	Giá trị (tỷ VND)
MWG	170,605,234	198,471,546	-14.0%	15,883
MBB	406,285,475	387,526,428	4.8%	11,579
VIC	59,263,636	93,120,380	-36.4%	10,193
HPG	325,429,612	439,037,677	-25.9%	9,372
STB	133,662,410	132,536,913	0.8%	8,755
VHM	78,549,070	105,575,334	-25.6%	8,483
FPT	87,781,702	138,865,511	-36.8%	8,155
CTG	187,335,768	249,015,752	-24.8%	7,166
TCB	183,373,891	204,450,958	-10.3%	6,647
VCB	94,175,697	76,231,397	23.5%	6,112
VPB	182,879,754	237,645,365	-23.0%	5,294
PNJ	40,762,351	35,406,534	15.1%	4,969
ACB	186,599,244	214,690,048	-13.1%	4,573
GMD	50,669,775	28,001,851	81.0%	4,277
KDH	127,872,140	194,643,253	-34.3%	3,485
MSN	39,595,815	62,127,034	-36.3%	3,128
SSI	87,503,246	98,954,645	-11.6%	2,835
VNM	38,367,596	37,523,298	2.3%	2,617
ACV	22,532,586	30,617,774	-26.4%	1,201
TPB	34,226,399	33,076,088	3.5%	630
DGC	8,037,187	8,648,213	-7.1%	593

- Đối với thị trường mới nổi (Emerging Markets)**, chuỗi sáu tuần hút vốn liên tiếp đã chấm dứt khi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông khiến nhà đầu tư gia tăng mức độ phòng thủ. Các quỹ cổ phiếu châu Á ngoài Nhật Bản và các quỹ cổ phiếu thị trường mới nổi toàn cầu ghi nhận dòng vốn rút ra hơn 2 tỷ USD, chủ yếu đến từ các quỹ đầu tư vào Trung Quốc và Ấn Độ. Tuy nhiên, một số thị trường liên quan đến chuỗi cung ứng bán dẫn như Đài Loan và Hàn Quốc vẫn thu hút dòng tiền nhờ câu chuyện tăng trưởng của ngành chip nhớ và công nghệ cao. Trong khi đó, các quỹ cổ phiếu Mỹ Latinh tiếp tục ghi nhận dòng vốn vào tuần thứ 10 liên tiếp, cho thấy sự quan tâm của nhà đầu tư đối với các nền kinh tế giàu tài nguyên.
- Ở thị trường cận biên (Frontier Markets)**, dòng vốn có xu hướng phân hóa rõ rệt. Một số thị trường xuất khẩu dầu tại Trung Đông như Qatar và UAE thu hút dòng vốn kỷ lục khi giá năng lượng tăng mạnh, trong khi các thị trường nhập khẩu năng lượng như Nam Phi và Thổ Nhĩ Kỳ lại ghi nhận dòng vốn rút ra đáng kể. Tại Đông Nam Á, khẩu vị rủi ro đối với các thị trường nhỏ vẫn khá yếu khi các quỹ cổ phiếu Việt Nam, Thái Lan và Malaysia tiếp tục ghi nhận dòng vốn rút ra trong thời gian gần đây.
- Xét theo nhóm ngành**, các quỹ liên quan đến quốc phòng và hàng không vũ trụ nổi bật khi ghi nhận dòng vốn vào mạnh nhất trong tuần, phản ánh tác động của bối cảnh địa chính trị căng thẳng. Nhóm công nghiệp và hạ tầng cũng duy trì xu hướng hút vốn nhờ kỳ vọng chi tiêu quốc phòng và đầu tư công gia tăng. Ngược lại, các quỹ hàng hóa – đặc biệt là nhóm hóa chất và nguyên vật liệu – lại ghi nhận dòng vốn rút ra kỷ lục khi nhà đầu tư lo ngại về gián đoạn chuỗi cung ứng và chi phí vận chuyển.
- Ở góc độ các loại tài sản**, dòng tiền tiếp tục tìm đến các tài sản thay thế và phòng thủ. Các quỹ tiền mã hóa ghi nhận hơn 1 tỷ USD vốn vào trong nhiều tuần của năm, cho thấy sự quan tâm ổn định của nhà đầu tư đối với tài sản kỹ thuật số. Trong khi đó, quỹ tín dụng tư nhân tiếp tục thu hút vốn trong phần lớn các tuần gần đây, phản ánh nhu cầu tìm kiếm lợi suất cao hơn trong môi trường lãi suất còn biến động. Ngược lại, các quỹ đầu tư vào đồng và kim loại công nghiệp lại chứng kiến dòng vốn rút ra mạnh.

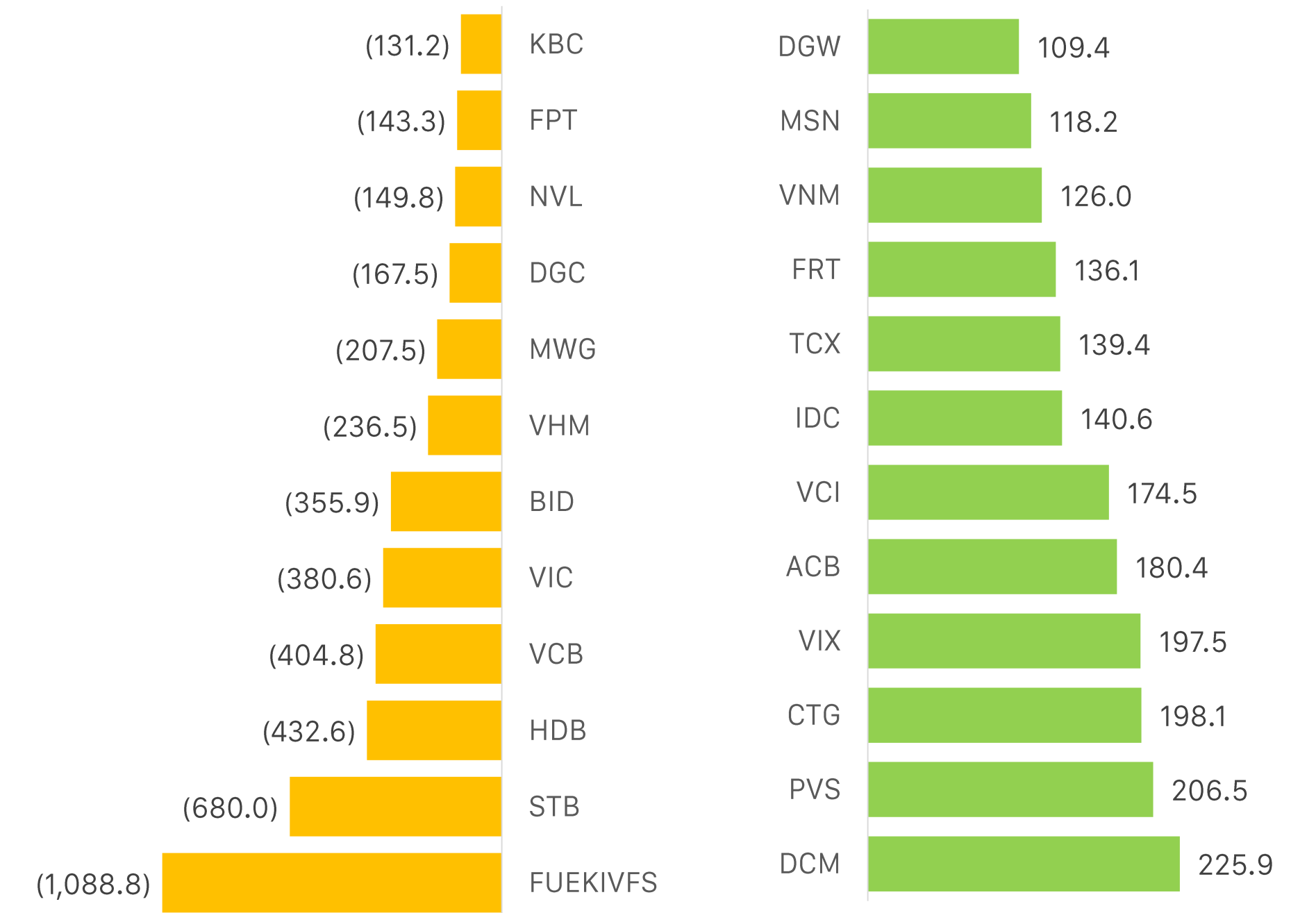
# KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

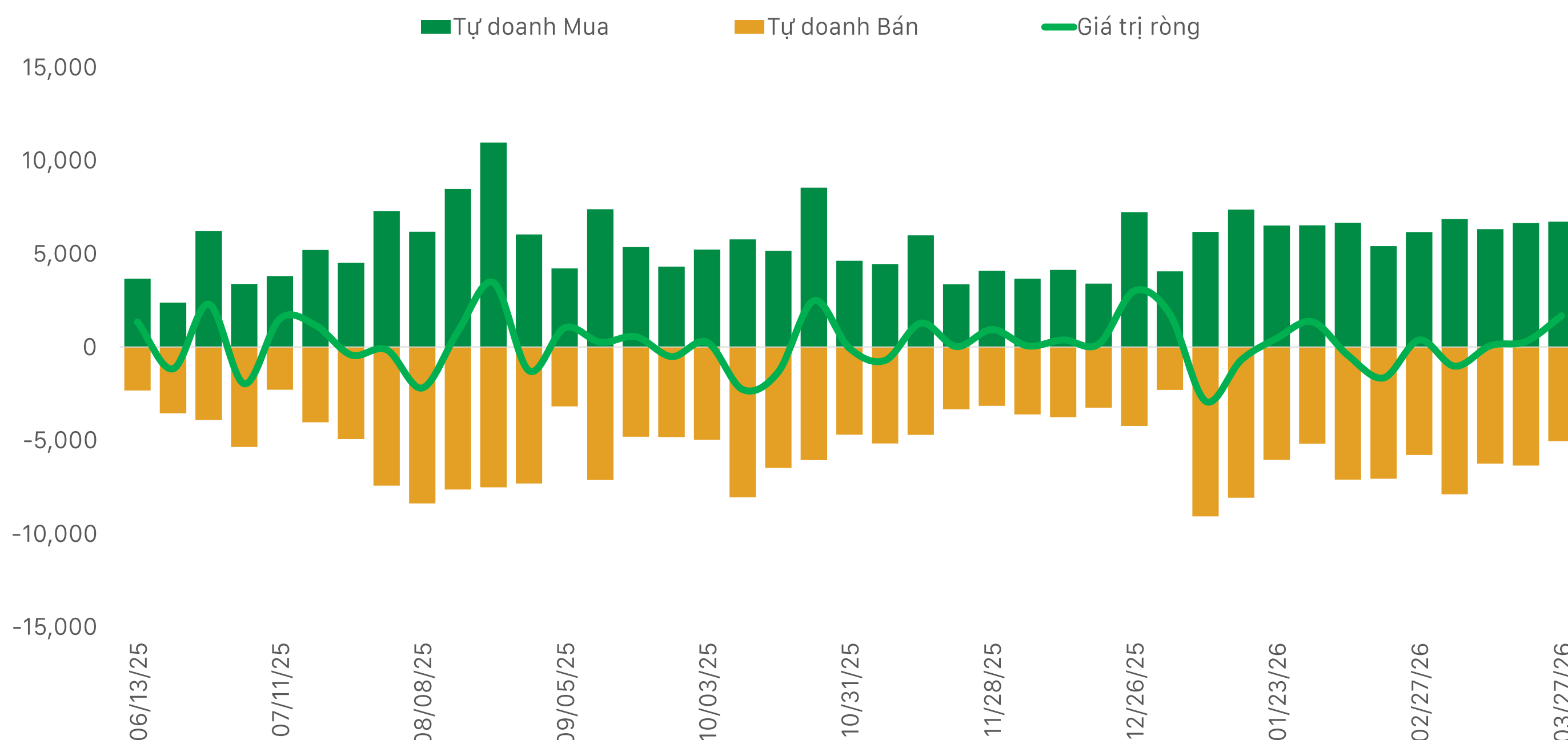


- Trong tuần qua khối ngoại mua vào gần 17 ngàn tỷ đồng, giảm -4% so với tuần trước và bán ra gần 20 ngàn tỷ đồng, giảm đến -20%. Tính chung cả tuần khối ngoại bán ròng khoảng 3000 tỷ đồng. Đây là tuần bán ròng thứ hai liên tiếp dù mức độ đã giảm ½ so với tuần trước đó
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là cổ phiếu quỹ và STB với gần 1700 tỷ đồng. Một số blue chip cũng bán ròng với giá trị lớn như nhóm ngân hàng HDB (432 tỷ), VCB (404 tỷ), BID (355 tỷ). Một số blue chip cũng bán ròng đáng chú ý như FPT, NVL, VHM, MWG.
- Phía mua ròng nổi bật có DCM mua ròng hơn 225 tỷ đồng, PVS đứng thứ hai với 206 tỷ. Các cổ phiếu còn lại trải đều ở các nhóm ngân hàng, chứng khoán, thực phẩm như CTG, ACB, VIX, VCI, IDC, TCX...

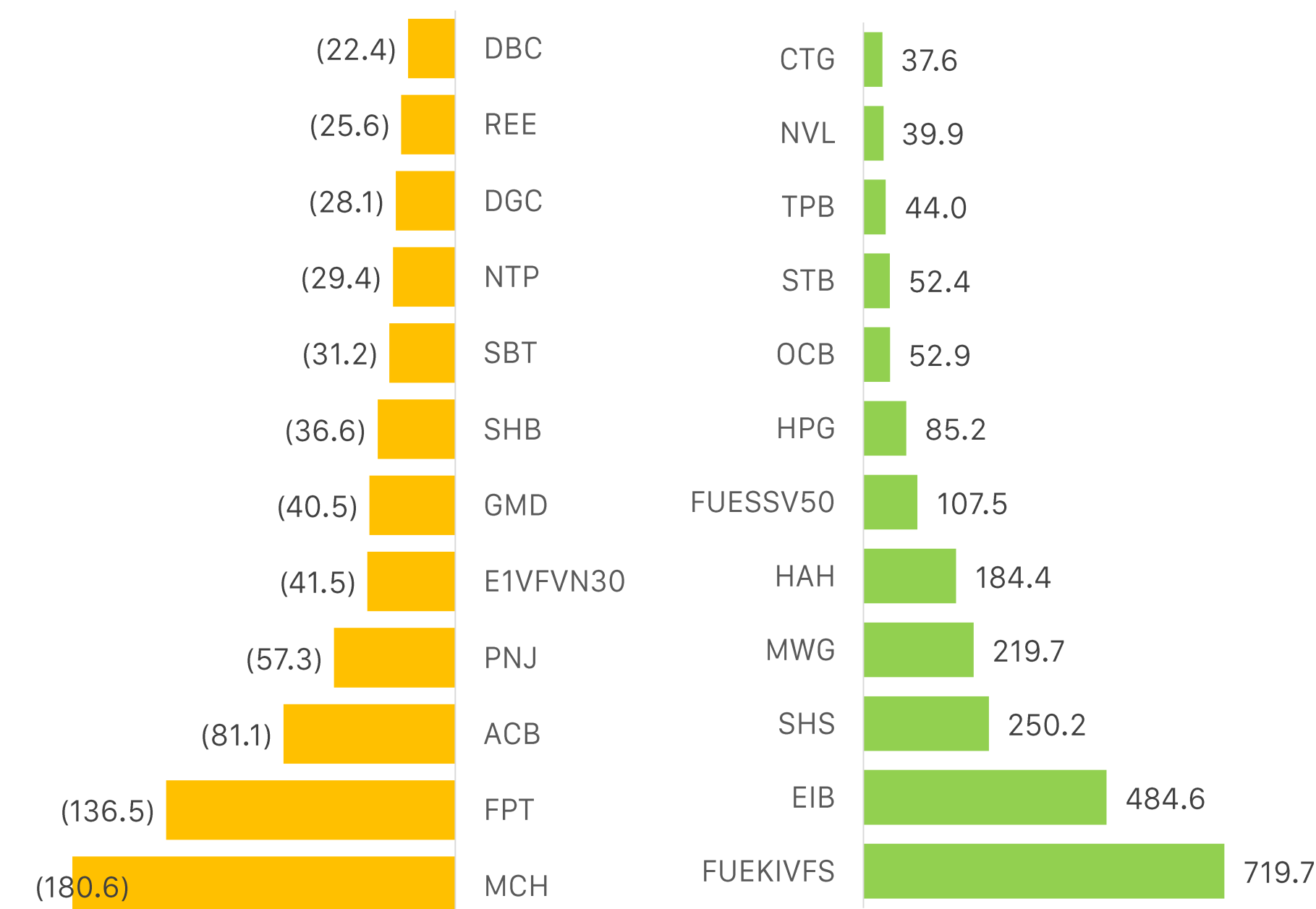
# TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



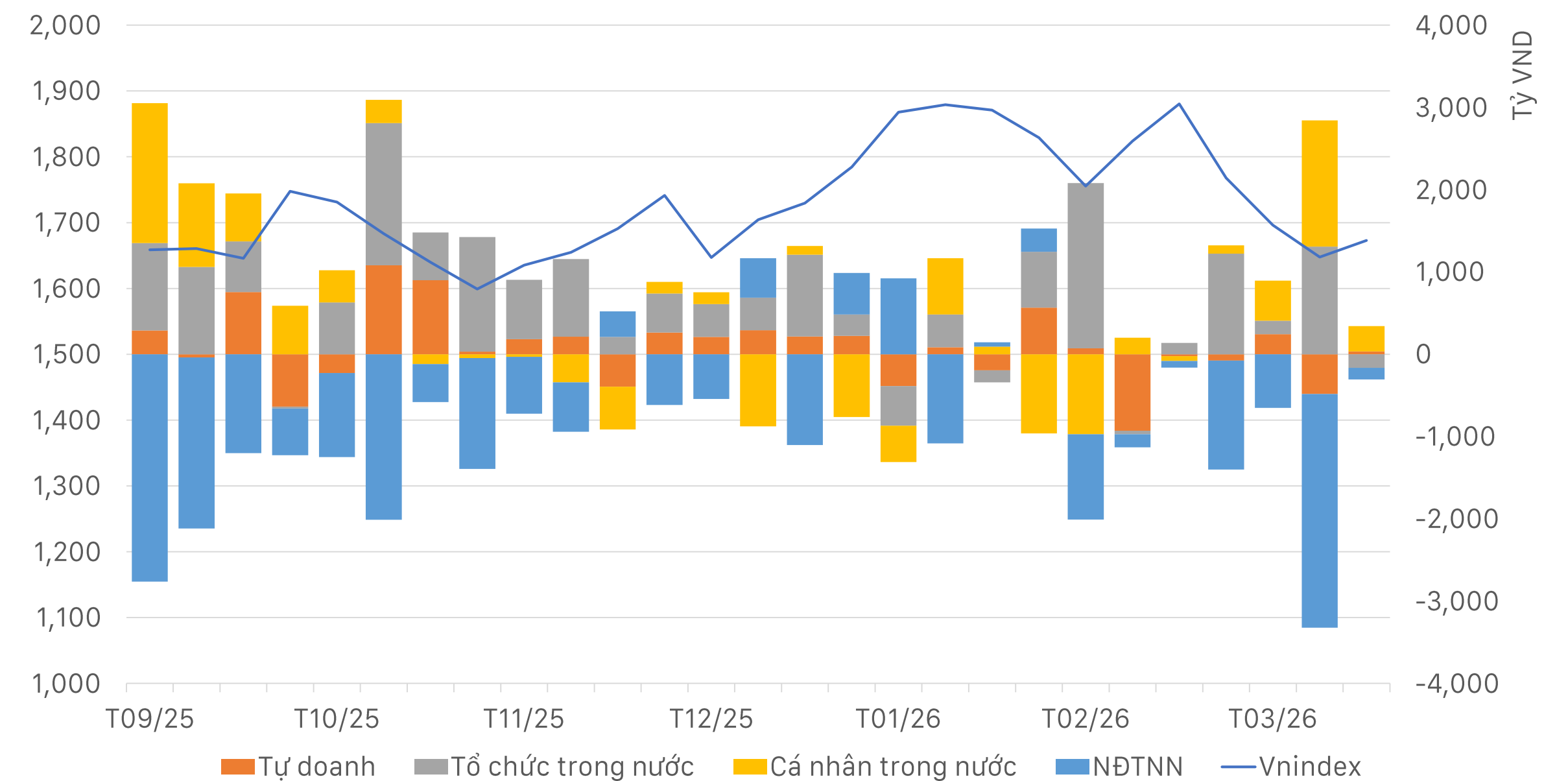
- Tự doanh mua vào khoảng 6717 tỷ đồng và bán ra 5044 tỷ đồng, tăng nhẹ so với giao dịch tuần trước đó. Giá trị mua ròng trong tuần tăng mạnh lên gần 1700 tỷ đồng.
- MCH là cổ phiếu bán ròng nhiều nhất với khoảng 180 tỷ đồng, FPT, ACB, PNJ là những blue chip tự doanh bán ròng tổng cộng hơn 280 tỷ đồng trong tuần qua. Một số cổ phiếu bán ròng đáng chú ý khác có GMD, SHB, REE, DGC.
- Nhóm tự doanh mua ròng mạnh EIB với gần 500 tỷ đồng cùng với SHS, MWG, HAH. OCB cũng là cổ phiếu ngân hàng được tự doanh mua ròng hơn 52 tỷ đồng bên cạnh STB, TPB, CTG.

## Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	23.8%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	16.5%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	13.1%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	2.8%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	6.2%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	4.5%	HHS, HUT	
Bán lẻ	7.1%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.9%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	5.0%	VGI, FOX, VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.5%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	2.7%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	4.5%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.9%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.0%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	1.7%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.4%	FPT, CMG, CTR	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.2%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.1%	HVN	

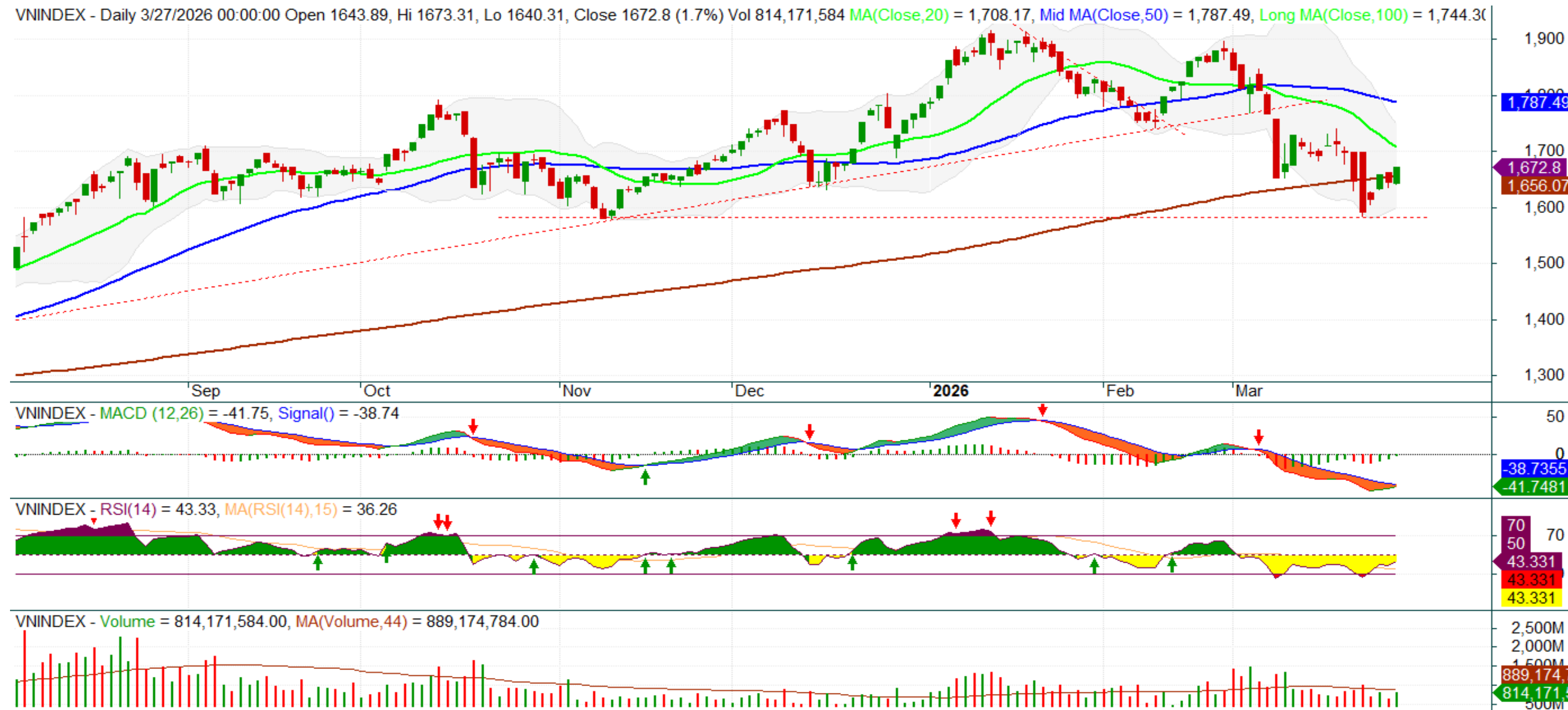
- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng và chứng khoán gia tăng đáng kể trong tuần qua và chiếm tỷ trọng khoảng 40% so với phần còn lại của thị trường. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm HPG, SSI, HDB, MBB
- Thanh khoản chung thị trường có sự suy giảm nhẹ so với tuần trước do phần lớn nhà đầu tư vẫn còn kẹt hàng giá cao giai đoạn trước. Ngoài ra dòng tiền chuyển dịch mạnh ra khỏi dầu khí, hóa chất và gia tăng ở nhóm viễn thông, BĐS.

## Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

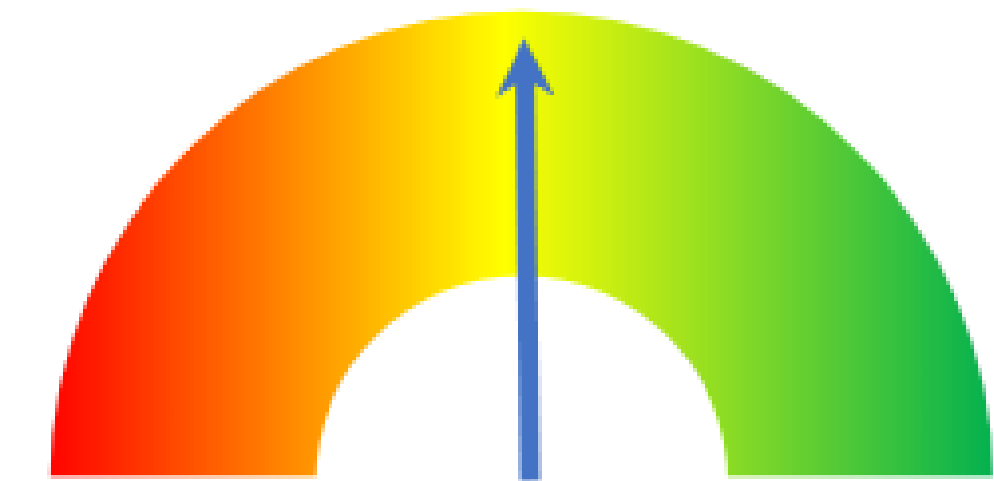


# CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT





Mức độ hưng phấn thị trường



RSI	43.33
MACD	-41.75
MFI	35.15
MA20	1708
MA50	1787
MA200	1656

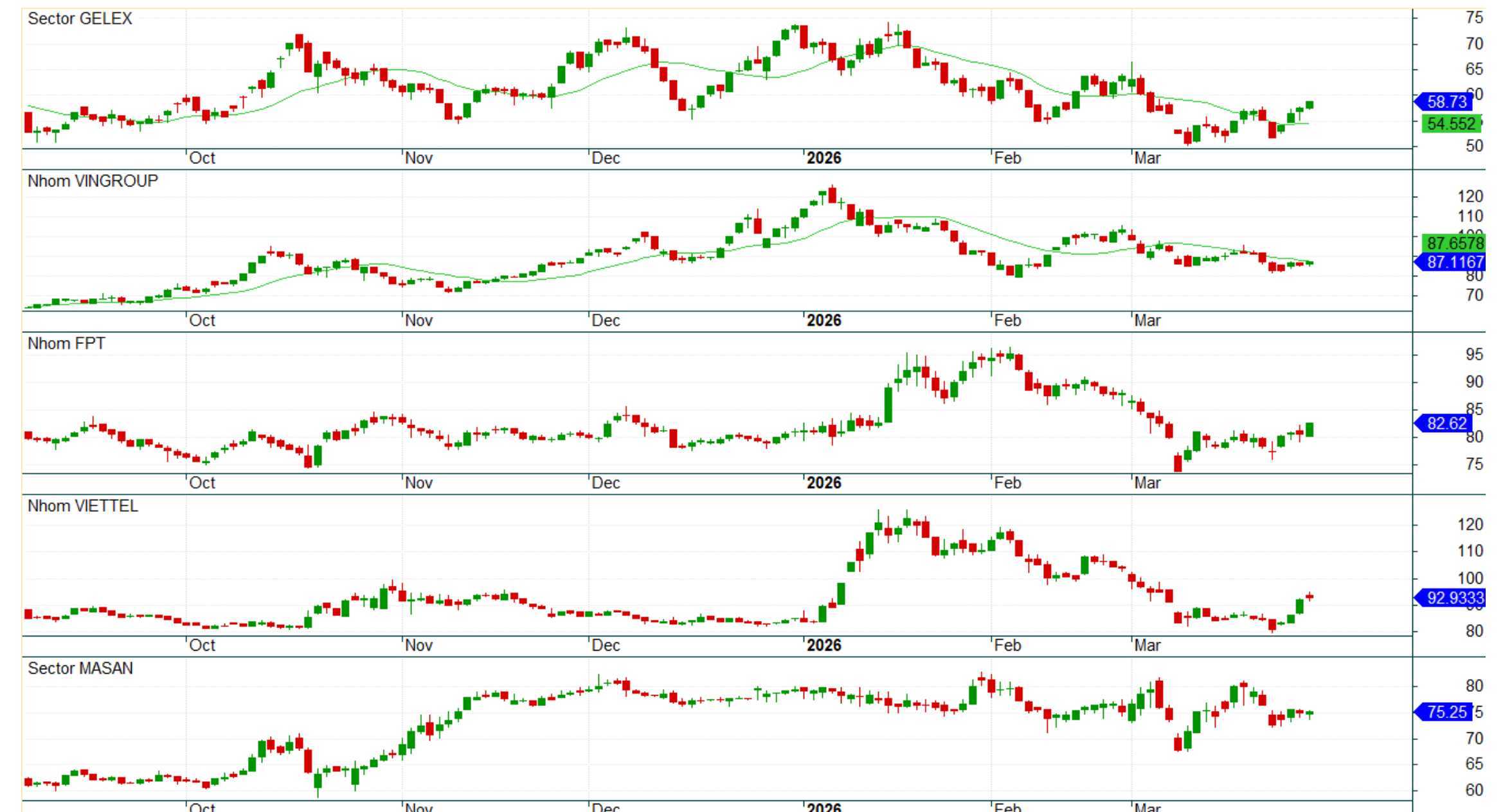
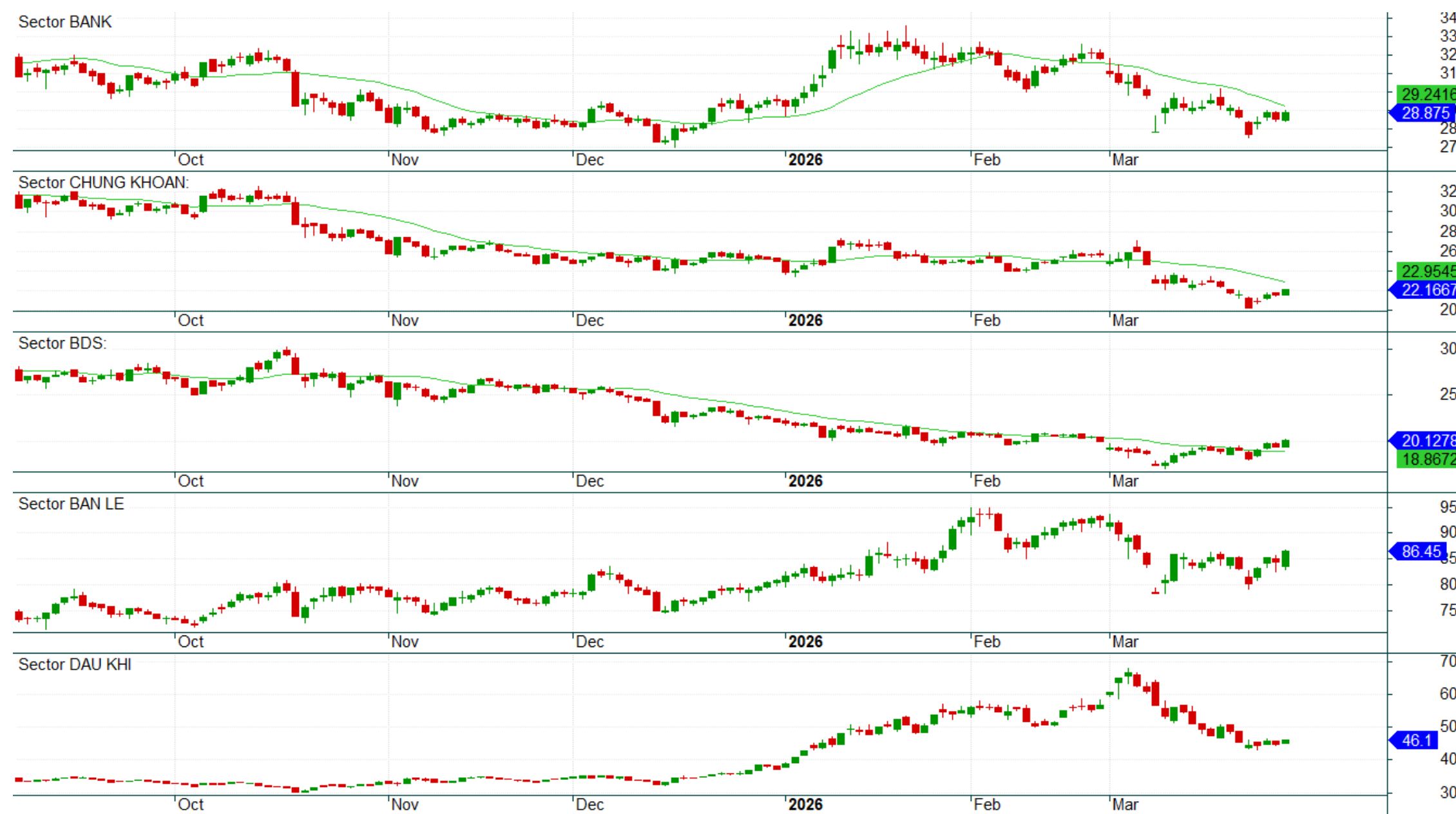
- Trong tuần tới, thị trường nhiều khả năng sẽ vận động trong trạng thái giằng co và tích lũy khi chỉ số tiến gần vùng kháng cự mạnh. Diễn biến của thị trường quốc tế đang trở thành yếu tố cần theo dõi sát. Giá dầu thế giới tăng mạnh do các căng thẳng địa chính trị gần đây làm dấy lên lo ngại về lạm phát và chi phí năng lượng toàn cầu. Với một thị trường có độ mở lớn như Việt Nam, những biến động này có thể khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn, đặc biệt khi dòng tiền ngoại thường phản ứng khá nhanh với các rủi ro vĩ mô. Vì vậy, dù thị trường đang hồi phục, khả năng xuất hiện các nhịp rung lắc hoặc điều chỉnh trở lại trong ngắn hạn vẫn cần được tính đến.
- Xét về nhóm ngành, dòng tiền trong tuần qua có xu hướng lan tỏa sang một số nhóm có câu chuyện riêng như công nghệ, khu công nghiệp, đầu tư công và bất động sản. Bên cạnh đó, nhóm dầu khí có thể tiếp tục thu hút sự chú ý nếu xu hướng tăng của giá dầu duy trì. Trong khi đó, nhóm ngân hàng và chứng khoán vẫn đóng vai trò trụ cột của thị trường khi nhiều cổ phiếu đang giao dịch ở mức định giá tương đối hấp dẫn sau nhịp điều chỉnh vừa qua.

# XU HƯỚNG GIÁ CÁC NHÓM CỔ PHIẾU – NGÀNH DẪN ĐẦU



- **Nhóm ngân hàng** nhiều CP đang tích lũy nên giá sâu: Nhóm CP tốt ưu tiên MBB, TCB, ACB, BID, VPB
- **Nhóm chứng khoán** Nhiều CP đã chạm hỗ trợ mạnh. Nhóm ưu tiên: TCX, VIX, SSI, MBS.
- **Nhóm BĐS** đang trong quá trình hồi phục khá tuy nhiên xu hướng tăng có thể phân hóa. Nhóm ưu tiên: KDH, HDG, NLG, VHM, NVL
- **Nhóm bán lẻ** Đang tăng trở lại MWG (80), DGW (45)
- **Nhóm dầu khí** đang trong giai đoạn tích lũy sau nhịp điều chỉnh, chờ tín hiệu hồi phục. Ưu tiên nhóm cổ phiếu BSR, PLX.

- **Nhóm Gelex** Nhóm đang hồi phục. GEE tăng tốt nhất. GEX hỗ trợ quanh 30, VIX – 16
- **Nhóm VINGROUP** Đã chậm đà giảm, đang tích lũy đi ngang. VIC hỗ trợ mạnh 140, VHM – 95. VRE - 24
- **Nhóm FPT** có tín hiệu hồi phục ở FPT, FRT, FOX tăng tốt
- **Nhóm Viettel** đang bức phá mạnh ở cả 3 cổ phiếu lớn VTP, CTR, VGI
- **Nhóm MASAN** tăng trở lại đặc biệt ở MSR nhưng áp lực chốt lời cũng khá cao. MSN có hỗ trợ mạnh quanh 70



Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng danh mục ở mức cân bằng, ưu tiên các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt và hạn chế mua đuổi trong các nhịp tăng mạnh. Đồng thời, cần theo dõi sát diễn biến của giá dầu và các yếu tố địa chính trị quốc tế, bởi đây có thể là yếu tố khiến thị trường trở nên nhạy cảm và biến động mạnh hơn trong ngắn hạn.

**Cổ phiếu quan tâm:** BID, EIB, GMD, HDG, MBB, CTG, TCB, HAG, MWG, VIC, CTD

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:



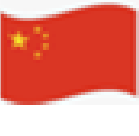


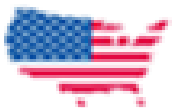
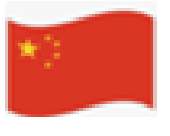



Ngân hàng: MBB, BID

Bán lẻ, thực phẩm: MWG, HAG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	HAG	20,000	30%	1,700	9.4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Năm 2025, HAGL ghi nhận doanh thu 7.440 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.243 tỷ đồng – mức cao nhất kể từ khi doanh nghiệp hoạt động. Kết quả này cũng giúp công ty xóa lỗ lũy kế và đưa tổng tài sản vượt mốc 1 tỷ USD.</li> <li>Vừa qua Hoàng Anh Gia Lai đã tổ chức hội thảo với chủ đề “HAGL và chiến lược phát triển bền vững 20.000ha cà phê đến năm 2028”.</li> <li>Theo kế hoạch, doanh nghiệp đặt mục tiêu phát triển vùng trồng cà phê quy mô khoảng 20.000ha, từ đó xây dựng chuỗi giá trị khép kín bao gồm sản xuất nguyên liệu, chế biến sâu và tận dụng phụ phẩm. Tổng doanh thu tiềm năng ước đạt khoảng 713 triệu USD mỗi năm, tương đương gần 18.600 tỷ đồng. Nếu triển khai toàn diện, HAGL có thể trở thành một trong những doanh nghiệp sở hữu vùng trồng cà phê trực tiếp lớn nhất thế giới.</li> </ul>
2	MWG	110,000	25%	4,800	18.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng.</li> <li>BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY.</li> <li>MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động.</li> <li>MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.</li> </ul>
3	MBB	33,000	25%	3,320	8.2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngân hàng TMCP Quân đội (Mã: MBB) đạt lợi nhuận trước thuế đạt 34.268 tỷ đồng, tăng gần 19% so với cùng kỳ và hoàn thành 108% kế hoạch năm. Riêng quý IV, lợi nhuận tăng mạnh 37,5%, đạt 11.129 tỷ đồng.</li> <li>Thu nhập lãi thuần tiếp tục đóng vai trò trụ cột khi tăng 30,6%, đạt 14.555 tỷ đồng. Mảng dịch vụ cũng tăng trưởng ấn tượng, mang về 2.101 tỷ đồng lãi thuần, tăng 78% so với cùng kỳ.</li> <li>Bên cạnh đó, lãi thuần từ hoạt động khác tăng 31%, đạt 1.574 tỷ đồng, trong khi thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần ghi nhận mức tăng đột biến 502%, đóng góp 135 tỷ đồng.</li> </ul>

# LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 <p>Nhật Bản: Tokyo CPI (chỉ báo lạm phát sớm): Cao hơn dự báo thúc đẩy JPY mạnh, hỗ trợ BoJ hawkish. Thấp hơn làm JPY yếu.</p>	 <p>CPI flash (HICP): Cao hơn dự báo đẩy EUR tăng mạnh; thấp hơn gây áp lực giảm EUR và kỳ vọng ECB nới lỏng.</p>	 <p>Trung Quốc: Caixin PMI Sản xuất: Trên 50 tích cực cho CNY và sentiment châu Á; dưới 50 gây bán tháo CNY và hàng hóa.</p>	 <p>Hàn Quốc: Sản xuất công nghiệp (dữ liệu tháng trước): Mạnh hơn dự báo hỗ trợ KRW và cổ phiếu Hàn; yếu gây KRW yếu và risk-off khu vực.</p>	 <p>Trung Quốc: Caixin PMI Dịch vụ: Tốt hơn dự báo hỗ trợ CNY và risk-on châu Á; kém hơn gây bán tháo CNY.</p>
 <p>Mỹ: Fed Chair Powell phát biểu: Tone hawkish đẩy USD lên, lợi suất trái phiếu tăng; dovish gây bán tháo USD.</p>	 <p>Trung Quốc: NBS PMI Sản xuất &amp; Dịch vụ: Trên 50 hỗ trợ CNY mạnh, risk-on châu Á và hàng hóa; dưới 50 gây lo ngại tăng trưởng TQ, bán tháo tài sản rủi ro.</p>	 <p>Mỹ: ADP việc làm tư nhân + Doanh số bán lẻ: Dữ liệu mạnh đẩy USD và lợi suất lên trước NFP; yếu gây kỳ vọng Fed cắt lãi sớm, hỗ trợ stocks.</p>	 <p>Eurozone/Đức: Dữ liệu bán lẻ &amp; niềm tin tiêu dùng: Tích cực đẩy EUR lên; tiêu cực gây áp lực giảm EUR trước NFP Mỹ.</p>	 <p>Mỹ: Nonfarm Payrolls, Thất nghiệp, Thu nhập giờ trung bình (dữ liệu lớn nhất tuần): NFP mạnh đẩy USD tăng vọt, lợi suất lên, stocks biến động mạnh; yếu kích thích kỳ vọng cắt lãi Fed, hỗ trợ vàng &amp; stocks.</p>

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CDC	HOSE	17/04/2026	20/04/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
2	BWA	UPCoM	16/04/2026	17/04/2026	15/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	NBE	UPCoM	9/4/2026	10/4/2026	16/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	BSH	UPCoM	8/4/2026	9/4/2026	24/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	LBM	HOSE	31/03/2026	1/4/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 25,000 đồng/CP	Phát hành thêm
6	SD9	HNX	27/03/2026	30/03/2026	22/04/2026	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CCI	HOSE	27/03/2026	30/03/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 3:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
8	NDP	UPCoM	27/03/2026	30/03/2026	20/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	TA6	UPCoM	27/03/2026	30/03/2026	2/4/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 267.1 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	HRB	UPCoM	26/03/2026	27/03/2026	17/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	VCI	HOSE	26/03/2026	27/03/2026	10/4/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	VCI	HOSE	26/03/2026	27/03/2026		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:7	Thưởng cổ phiếu
13	VFG	HOSE	25/03/2026	26/03/2026	16/04/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	HJS	HNX	24/03/2026	25/03/2026	3/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	GMH	HOSE	24/03/2026	25/03/2026	16/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CDG	UPCoM	24/03/2026	25/03/2026	2/4/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HNF	UPCoM	23/03/2026	24/03/2026	7/4/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	DP3	HNX	20/03/2026	23/03/2026	29/06/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	ADC	HNX	20/03/2026	23/03/2026	11/5/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	VTC	HNX	20/03/2026	23/03/2026	10/4/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

### Phòng phân tích

Email: [research@ocbs.com.vn](mailto:research@ocbs.com.vn)



**THANK YOU**